

**KẾT LUẬN THANH TRA**  
**Quỹ tín dụng nhân dân Xuân Trường**

Thực hiện Quyết định số 03/QĐ-ĐNA.TTGS ngày 01 tháng 11 năm 2023 của Chánh thanh tra giám sát Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Đồng Nai về việc thanh tra Quỹ tín dụng nhân dân Xuân Trường;

Xét báo cáo kết quả Thanh tra QTDND Xuân Trường ngày 20/12/2023 của Trưởng đoàn thanh tra, Chánh thanh tra giám sát Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Đồng Nai kết luận thanh tra như sau:

**PHẦN I**

**KHÁI QUÁT CHUNG**

**1. Cơ cấu tổ chức, địa bàn hoạt động**

Quỹ tín dụng nhân dân Xuân Trường được thành lập theo Quyết định số 05/NH-GP ngày 04/3/1994 của Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Đồng Nai; Đăng ký kinh doanh số 3600265606 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 20/4/1998, thay đổi lần thứ 17 ngày 04/5/2023. Người đại diện theo pháp luật: ông Trịnh Hải Đường - Chủ tịch Hội đồng quản trị. Địa chỉ trụ sở chính: ấp Trung Nghĩa, xã Xuân Trường, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

- Địa bàn hoạt động: xã Xuân Trường, Xuân Thành, Suối Cao, Xuân Tâm và Thị trấn Gia Ray. QTD có 01 trụ sở chính và 02 Phòng giao dịch: Phòng Giao dịch Xuân Tâm đặt tại xã Xuân Tâm; Phòng Giao dịch Gia Ray đặt Thị trấn Gia Ray.

- Cơ cấu tổ chức: Hội đồng quản trị (HĐQT): 05 thành viên; Chủ tịch Hội đồng quản trị làm việc theo chế độ chuyên trách; Ban Kiểm soát: 03 thành viên (trong đó, có 02 thành viên làm việc theo chế độ chuyên trách); Ban điều hành: 02 người (Giám đốc và Phó Giám đốc); Các bộ phận chuyên môn: Phòng Kế toán: 04 Kế toán (Trụ sở chính: 01 Kế toán Trưởng, 01 Phó phòng Kế toán; PGD Xuân Tâm 01 kế toán viên; PGD Gia Ray 01 kế toán viên); Bộ phận Tín dụng: 04 nhân viên tín dụng (Trụ sở chính: 02 người; PGD Xuân Tâm: 01 người; PGD Gia Ray 01 người); Bộ phận kho quỹ: 03 Thủ quỹ (Trụ sở chính: 01 người; PGD Xuân Tâm: 01 người; PGD Gia Ray 01 người).

- Về trình độ chuyên môn: Đại học: 11 người, Cao đẳng: 01 người; Trung cấp: 02 người; Số người đã qua bồi dưỡng nghiệp vụ QTDND: 12 người. Chưa qua bồi dưỡng nghiệp vụ QTDND: 03 thủ quỹ.

- Số lượng thành viên tại các thời điểm: Tại thời điểm 31/12/2021 có 2.753 thành viên; tại thời điểm 31/12/2022 có 2.769 thành viên và tại thời điểm 30/9/2023 có 2.801 thành viên.

## **2. Tình hình hoạt động**

### **2.1. Về nguồn vốn hoạt động**

- Đến 30/9/2023, tổng nguồn vốn hoạt động của Quỹ đạt 132.970 triệu đồng, tăng 8.792 triệu đồng (#7,08%) so với 31/12/2022; tăng 3.170 triệu đồng (#2,44%) so với 31/12/2021.

- Vốn và các quỹ là 18.053 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 13,58% tổng nguồn vốn hoạt động. Trong đó vốn điều lệ là 6.954 triệu đồng, có xu hướng tăng dần trong thời kỳ thanh tra, gồm vốn góp xác lập là 951 triệu đồng và vốn góp thường xuyên (vốn góp bổ sung) là 6.003 triệu đồng.

- Vốn huy động: Thời điểm 30/9/2023 là 110.719 triệu đồng, tăng 7.874 triệu đồng (#7,66%) so với 31/12/2022 và tăng 867 triệu đồng (#0,79%) so với 31/12/2021. Trong đó chủ yếu là tiền gửi có kỳ hạn đạt 110.703 triệu đồng, chiếm 99,99% tổng vốn huy động.

- Vay Ngân hàng Hợp tác xã (NHHTX): Không phát sinh.

### **2.2. Về sử dụng vốn**

- Hoạt động cho vay: Tổng dư nợ đến 30/9/2023 là 96.646 triệu đồng, giảm 9.057 triệu đồng (#8,57%) so với 31/12/2022; giảm 11.485 triệu đồng (#13,49,05%) so với 31/12/2021. Trong đó: nợ xấu đến 30/9/2023 là 200 triệu đồng, chiếm 0,21%/tổng dư nợ, nợ nhóm 2 là 450 triệu đồng.

- Tiền gửi tại các TCTD là 30.857 triệu đồng tăng 17.590 triệu đồng (#132%) so với năm 2022; tăng 1.180 triệu đồng (#3,98%) so với năm 2021.

### **2.3. Kết quả kinh doanh**

Năm 2021 lợi nhuận sau thuế là 1.858 triệu đồng; Năm 2022 lợi nhuận sau thuế là 2.180 triệu đồng; Đến 30/9/2023 thu nhập lớn hơn chi phí là 1.724 triệu đồng.

## **PHẦN II**

### **KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH**

**1. Thanh tra hoạt động quản trị, điều hành và hệ thống kiểm soát, kiểm toán nội bộ.**

#### **1.1. Tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị (HĐQT)**

##### **1.1.1. Về tiêu chuẩn, cơ cấu HĐQT**

QTDND Xuân Trường đã thành lập bộ máy quản lý riêng, điều hành riêng theo đúng quy định pháp luật.

Hội đồng quản trị (HĐQT) QTDND Xuân Trường nhiệm kỳ 2022-2027 Gồm: ông Trịnh Hải Đường- Chủ tịch HĐQT và 04 thành viên (ông Trần Thế

Phong, ông Trần Ngọc Hòa, bà Lê Thị Thùy Linh và bà Phan Thị Hậu), đáp ứng đủ số lượng thành viên HĐQT, đủ tiêu chuẩn theo đúng quy định; Nhiệm kỳ của HĐQT là 05 năm theo đúng quy định tại Điều 81 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 và Điều lệ của Quỹ.

Các thành viên HĐQT trên đã được Giám đốc NHNN Chi nhánh tỉnh Đồng Nai chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến HĐQT tại văn bản số 383/ĐNA-TTGS ngày 11/3/2022, đáp ứng đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 20 Thông tư số 04/2015/TT-NHNN ngày 31/3/2015 của NHNN Việt Nam và đã được Đại hội thành viên QTDND Xuân Trường bầu chọn theo đúng danh sách đã được Giám đốc NHNN chi nhánh tỉnh Đồng Nai chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến bầu HĐQT của QTDND Xuân Trường tại Công văn số 383/ĐNA-TTGS ngày 11/3/2022.

### 1.1.2. Về hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Hội đồng quản trị đã thực hiện phân công nhiệm vụ cụ thể cho thành viên HĐQT việc phân công nhiệm vụ và giám sát việc thực hiện nhiệm vụ của các thành viên HĐQT tuân thủ theo điểm a, b khoản 2 Điều 18 Thông tư số 04/2015/TT-NHNN ngày 31/3/2015 (đã được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 21/2019/TT-NHNN ngày 14/11/2019); Tổ chức họp định kỳ hàng tháng, các phiên họp đều có ghi sổ họp và ký tên đầy đủ thành phần tham dự họp, có đánh giá tình hình thực hiện nghị quyết tháng trước và xây dựng kế hoạch cho tháng sau; ban hành Nghị quyết để Ban điều hành và các bộ phận liên quan triển khai thực hiện.

- Tổ chức Đại hội thường niên thành viên: trong thời kỳ thanh tra, đại hội thành viên thường niên được Quỹ thực hiện theo đúng quy định hiện hành.

Nhìn chung trong thời kỳ thanh tra, HĐQT đã có nhiều cố gắng trong công tác định hướng, giao nhiệm vụ và giám sát Ban điều hành thực hiện các chỉ tiêu/kế hoạch đề ra. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện chức năng nhiệm vụ còn để xảy ra một số tồn tại, hạn chế như sau:

+ HĐQT đã ra quyết định bổ nhiệm chức danh Kế toán trưởng đối với Ông Trần Ngọc Lâm theo Quyết định bổ nhiệm số 04/2022/QĐ-HĐQT ngày 30/05/2022, Ông Trần Ngọc Lâm là em ruột của ông Trần Ngọc Hòa – TVHĐQT QTDND Xuân Trường nhiệm kỳ 2022 – 2027. (Ông Trần Ngọc Hòa được Đại hội thành viên thông qua chức danh Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2022 – 2027, ngày 12/5/2022). Như vậy, việc bổ nhiệm ông Trần Ngọc Lâm đảm nhiệm chức vụ Kế toán trưởng là không đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 33 Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 “3. Cha, mẹ, vợ, chồng, con và anh, chị, **em của thành viên Hội đồng quản trị**, thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc (Giám đốc) và vợ, chồng của những người này **không được là Kế toán trưởng** hoặc là người phụ trách tài chính của tổ chức tín dụng”. Hành vi bổ nhiệm những người không được đảm nhiệm chức vụ Kế toán trưởng của QTDND Xuân Trường được quy định xử phạt vi phạm hành chính tại tiết a, khoản 3 Điều 6 Mục 2 Chương II Nghị định số 88/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng: “... 5. **Phạt tiền từ**

100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây: a) Bầu, bổ nhiệm những người không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại các khoản 2, 3 Điều 33 Luật Các tổ chức tín dụng ...”. Với hành vi vi phạm trên Đoàn thanh tra đã tiến hành lập Biên bản xử phạt vi phạm hành chính số 11/BB-VPHC ngày 30/11/2023 và Chánh thanh tra giám sát NHNN Chi nhánh tỉnh Đồng Nai đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 12/QĐ-XPHC ngày 06/12/2023 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng với mức tiền phạt 20 triệu đồng.

+ HĐQT chưa có báo cáo thẩm định điều kiện danh sách thành viên xin ra để xem xét chấm dứt tư cách thành viên là chưa phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 30 Thông tư số 04/2015/TT-NHNN ngày 31/3/2015 (đã được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư 21/2019/TT-NHNN) của NHNN VN.

+ HĐQT thông qua việc chuyển nhượng vốn góp giữa các thành viên mà không thông qua Đại hội thành viên là chưa đúng theo Điều lệ của QTDND Xuân Trường quy định: “Việc hoàn trả, chuyển nhượng toàn bộ vốn góp của thành viên phải được Hội đồng quản trị chấp thuận, sau đó HĐQT thông qua Đại hội thành viên gần nhất”.

+ Về ban hành quy định nội bộ: Về cơ bản Hội đồng quản trị QTDND Xuân Trường đã ban hành các quy định và quy chế theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phù hợp công tác quản trị điều hành tại Quỹ. Tuy vậy, vẫn còn một số quy định cần bổ sung chi tiết các quy định cụ thể, như: trong quy định quản lý hoạt động cho vay, quản lý tiền vay cần bổ sung quy định cụ thể về việc cho vay hợp vốn theo quy định tại khoản 4 Điều 38 Thông tư số 04/2015/TT-NHNN ngày 31/3/2015; Nhận dạng các loại rủi ro có thể phát sinh trong quá trình cho vay theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN (được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 06/2023/TT-NHNN).

+ Chưa thực hiện sửa đổi Điều lệ khi thay đổi mức vốn điều lệ theo quy định tại khoản 4 Điều 29 Luật các Tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010.

+ Chưa thực hiện kịp thời việc gửi các Quy chế, Quy định nội bộ sửa đổi bổ sung về NHNN theo quy định tại khoản 6 Điều 4 Thông tư số 32/2015/TT-NHNN (đã được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 21/2019/TT-NHNN).

*Trách nhiệm thuộc về Hội đồng quản trị QTDND Xuân Trường của các nhiệm kỳ trong thời kỳ thanh tra.*

- **Hoạt động của Chủ tịch HĐQT:** Chủ tịch HĐQT làm việc theo chế độ chuyên trách. Định kỳ hàng năm, có lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT để thực hiện phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT và giám sát việc thực hiện nhiệm vụ được phân công đối với các thành viên HĐQT theo đúng quy định.

## **1.2. Ban Kiểm soát**

### **1.2.1. Về tiêu chuẩn, cơ cấu Ban kiểm soát.**

Ban kiểm soát QTDND Xuân Trường đã được Đại hội thành viên QTDND Xuân Trường bầu chọn theo đúng danh sách nhân sự dự kiến được

NHNN chi nhánh tỉnh Đồng Nai chấp thuận tại Công văn số 383/ĐNA-TTGS ngày 11/3/2022 và Công văn số 644/ĐNA-TTGS ngày 26/4/2022, Gồm 03 thành viên: ông Nguyễn Tiến Đoan - Trưởng BKS (Chuyên trách), bà Hoàng Thị Lệ Trâm, TV BKS (Chuyên trách) và bà Hoàng Thị Minh Kiều TV BKS.

- Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát theo nhiệm kỳ của HĐQT là 05 năm, theo đúng tại khoản 5, Điều 83 Luật các TCTD năm 2010.

### **1.2.2. Việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát, Kiểm toán nội bộ:**

- Ban kiểm soát có tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, đã thực hiện kiểm soát các hoạt động, trong đó có hoạt động tín dụng, thực hiện báo cáo đánh giá phân tích rủi ro hoạt động; lập chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát hàng tháng, quý, năm của BKS và sự phân công nhiệm vụ đối với từng thành viên BKS; đánh giá việc thực hiện chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát hàng tháng, quý, năm và sự phân công nhiệm vụ đối với từng thành viên BKS...

Ban kiểm soát đã cơ bản thực hiện đúng Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 84 Luật các TCTD 2010. Tuy nhiên, trong hoạt động của Ban kiểm soát chưa hiệu quả, kết quả kiểm soát không phát hiện được các sai sót trong hoạt động của Quỹ để có các kiến nghị đề xuất với HĐQT, Ban điều hành khắc phục chỉnh sửa nên vẫn còn để xảy ra các tồn tại, sai phạm trong hoạt động của QTDND. Đơn cử như: hành vi bỏ nhiệm kế toán trưởng không đúng quy định; để xảy ra một số sai phạm trong lĩnh vực cho vay, thu nợ... được thể hiện trong biên bản làm việc của Đoàn thanh tra cần được khắc phục, chỉnh sửa.

#### **\* Về kiểm toán nội bộ:**

QTDND Xuân Trường đã xây dựng và ban hành Quy chế kiểm toán nội bộ, bố trí nhân sự thực hiện nhiệm vụ kiểm toán nội bộ. Bộ phận kiểm toán nội bộ tại QTDND Xuân Trường đã tổ chức thực hiện nhiệm vụ với nội dung và phương pháp thực hiện cơ bản tuân thủ theo quy định tại Điều 16, Điều 17 Thông tư số 44/2011/TT-NHNN ngày 29/12/2011. Tuy nhiên, kế hoạch kiểm soát nội bộ cần có các thủ tục kiểm soát như kiểm tra đột xuất các bộ phận nghiệp vụ; Cần có báo cáo đánh giá tiến độ khắc phục các hạn chế, sai sót trong kết quả kiểm tra lần trước.

*Trách nhiệm thuộc về Ban kiểm soát QTDND Xuân Trường trong thời kỳ thanh tra.*

### **1.3. Ban điều hành**

#### **1.3.1 Về điều kiện, tiêu chuẩn của Ban điều hành:**

Ban điều hành QTDND Xuân Trường nhiệm kỳ 2022-2027, gồm Giám đốc (ông Trần Thế Phong ) và 01 Phó Giám đốc ( bà Phan Thị Hậu).

- Ông Trần Thế Phong- Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc được được bổ nhiệm chức vụ Giám đốc theo Quyết định số 01/2022/QĐ-HĐQT ngày 14/5/2022 của HĐQT, thời hạn là 05 năm; đúng theo danh sách đã được NHNN chi nhánh tỉnh Đồng Nai chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến bổ nhiệm Giám đốc của QTDND Xuân Trường nhiệm kỳ 2022-2027 tại Công văn số 383/ĐNA-

TTGS ngày 11/3/2012 và đã được Đại hội thành viên thông qua; đáp ứng đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Thông tư số 04/2015/TT-NHNN ngày 31/3/2015 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Thông tư số 21/2019/TT-NHNN ngày 14/11/2019.

- Bà Phan Thị Hậu - Phó Giám đốc được bổ nhiệm chức vụ Phó Giám đốc theo quyết định số 03/2022/QĐ-HĐQT ngày 30/5/2022 của HĐQT.

### **1.3.2 Việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban điều hành:**

Nhìn chung trong thời kỳ thanh tra, Ban điều hành QTDND đã cơ bản thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo đúng thẩm quyền, quy định của pháp luật, chấp hành tương đối tốt các văn bản chỉ đạo của ngành, nghị quyết của HĐQT, đã có những nỗ lực nhất định trong công tác điều hành hoạt động, kết quả kinh doanh có lãi và luôn là Quỹ có mức lợi nhuận cao so với các Quỹ trên địa bàn, kiểm soát nợ xấu tốt, tỷ lệ nợ xấu thấp. Tuy nhiên công tác điều hành còn để xảy ra một số tồn tại, hạn chế trong các mặt nghiệp vụ được thể hiện tại kết quả kiểm tra, xác minh theo từng nội dung thanh tra.

## **2. Thanh tra về vốn điều lệ, giới hạn góp vốn**

### **2.1. Thực trạng vốn điều lệ:**

Thực trạng cơ cấu vốn điều lệ và giới hạn vốn góp trong thời kỳ thanh tra được thể hiện khái quát theo bảng số liệu sau:

*Đơn vị tính: triệu đồng*

| Chỉ tiêu                                           | Năm 2021         |             | Năm 2022            |         | Đến thời điểm<br>30/9/2023 |         | So sánh 30/9/2023 với |         |                     |            |
|----------------------------------------------------|------------------|-------------|---------------------|---------|----------------------------|---------|-----------------------|---------|---------------------|------------|
|                                                    | Số Thành<br>viên | Số     tiền | Số<br>Thành<br>viên | Số tiền | Số<br>Thành<br>viên        | Số tiền | Năm 2021              |         | Năm 2022            |            |
|                                                    |                  |             |                     |         |                            |         | Số<br>Thành<br>viên   | Số tiền | Số<br>Thành<br>viên | Số<br>tiền |
| I. Tổng nguồn vốn                                  |                  | 132.132     |                     | 126.742 |                            | 135.601 |                       |         |                     |            |
| II. Vốn chủ sở hữu                                 |                  | 15.061      |                     | 16.126  |                            | 17.079  |                       |         |                     |            |
| Vốn điều lệ                                        | 2.753            | 6.463       | 2769                | 6.745   | 2.801                      | 6.954   | 48                    | 491     | 32                  | 209        |
| 1. VDL được hình<br>thành từ vốn góp.T.đó:         |                  | 6.463       |                     | 6.745   |                            | 6.954   |                       | 491     |                     | 209        |
| Vốn góp xác lập từ<br>cách thành viên.             |                  | 936         |                     | 941     |                            | 951     |                       | 15      |                     | 10         |
| Vốn góp bổ sung                                    |                  | 5.528       |                     | 5.804   |                            | 6.003   |                       | 476     |                     | 199        |
| 2. VDL hình thành từ<br>quỹ dự trữ bổ sung<br>VDL  |                  | 0           |                     | 0       |                            | 0       |                       | 0       |                     | 0          |
| Tỷ lệ vốn điều lệ/tổng<br>nguồn vốn (%)            | 4,9              |             | 5,3                 |         | 5,13                       |         |                       |         |                     |            |
| Tỷ lệ vốn điều lệ/vốn<br>CSH (%)                   | 42,9             |             | 41,8                |         | 40,7                       |         |                       |         |                     |            |
| III. Tỷ lệ, giới hạn vốn góp thành viên            |                  |             |                     |         |                            |         |                       |         |                     |            |
| Mức vốn góp tối đa<br>của 01 thành<br>viên/VDL (%) | 9,31             |             | 9,07                |         | 8,92                       |         |                       |         |                     |            |

Nhìn chung trong thời kỳ thanh tra, tỷ trọng tổng số vốn góp của thành viên/tổng nguồn vốn và tỷ trọng tổng số vốn góp của thành viên/vốn chủ sở hữu duy trì tương đối ổn định. Vốn điều lệ của Quỹ có xu hướng gia tăng theo thời gian

đảm bảo lớn hơn mức vốn pháp định của TCTD quy định tại Nghị định 86/2019/NĐ-CP, phù hợp phương hướng mục tiêu tăng trưởng vốn điều lệ của Đại hội thành viên đặt ra hằng năm. Trong thời kỳ thanh tra, Quỹ chưa sử dụng các quỹ để tăng vốn điều lệ, nguồn vốn điều lệ hình thành toàn bộ từ vốn góp xác lập và vốn góp bổ sung. Đến thời điểm 30/9/2023, vốn điều lệ của Quỹ đạt 6.954 triệu đồng của 2.801 thành viên góp vốn, trong đó: vốn góp xác lập là 951 triệu đồng chiếm 13,7% vốn điều lệ, vốn góp thường xuyên (vốn góp bổ sung) là 6.003 triệu đồng chiếm 86,3% vốn điều lệ. Về mức độ tập trung vốn góp vào một số thành viên: tổng mức vốn góp của người quản lý, kiểm soát, điều hành đạt 1.592 triệu đồng, chiếm 22,9% vốn điều lệ; tổng mức góp vốn của người quản lý, kiểm soát, điều hành và người có liên quan của những người này đạt 2.413 triệu đồng chiếm 34,7%; Tổng số 15 thành viên vốn góp cao nhất với tổng số tiền đạt 4.618 triệu đồng chiếm 66,4% vốn điều lệ.

## **2.2. Việc chấp hành các quy định về vốn điều lệ, giới hạn vốn góp và vốn góp thành viên:**

### **2.2.1. Việc thực hiện quy trình thủ tục tăng, giảm vốn điều lệ:**

Trong thời kỳ thanh tra, QTDND Xuân Trường đã 04 lần thực hiện thủ tục thay đổi vốn điều lệ với NHNN Chi nhánh tỉnh Đồng Nai và đã được Giám đốc NHNN Chi nhánh tỉnh Đồng Nai ban hành Quyết định sửa đổi bổ sung giấy phép theo đúng quy định, cụ thể:

- Năm 2021, QTDND Xuân Trường có hồ sơ đề nghị thay đổi mức vốn điều lệ từ 6.135 triệu đồng lên 6.463 triệu đồng và đã được NHNN CN tỉnh Đồng Nai chấp thuận theo Quyết định sửa đổi bổ sung giấy phép số 71/QĐ-ĐNA.TTGS ngày 12/4/2021, QTDND Xuân Trường hoàn thành sửa đổi giấy phép kinh doanh số 3600356010 ngày 18/5/2021.

- Tháng 4/2022, QTDND Xuân Trường có hồ sơ đề nghị thay đổi mức vốn điều lệ từ 6.463,4 triệu đồng lên 6.743,8 triệu đồng và đã được NHNN CN tỉnh Đồng Nai chấp thuận theo Quyết định sửa đổi bổ sung giấy phép số 53/QĐ-ĐNA.TTGS ngày 06/04/2022, QTDND Xuân Trường hoàn thành sửa đổi giấy phép kinh doanh số 3600356010 ngày 29/4/2022.

- Tháng 5/2022, QTDND Xuân Trường có hồ sơ đề nghị thay đổi mức vốn điều lệ từ 6.743,8 triệu đồng lên 6.745,1 triệu đồng và đã được NHNN CN tỉnh Đồng Nai chấp thuận theo Quyết định sửa đổi bổ sung giấy phép số 90/QĐ-ĐNA.TTGS ngày 27/5/2022, QTDND Xuân Trường hoàn thành sửa đổi giấy phép kinh doanh số 3600356010 ngày 06/6/2022.

- Tháng 4/2023, QTDND Xuân Trường có hồ sơ đề nghị thay đổi mức vốn điều lệ từ 6.745,1 triệu đồng lên 6.954,2 triệu đồng và đã được NHNN CN tỉnh Đồng Nai chấp thuận theo Quyết định sửa đổi bổ sung giấy phép số 47/QĐ-ĐNA.TTGS ngày 05/4/2023, QTDND Xuân Trường hoàn thành sửa đổi giấy phép kinh doanh số 3600265606 ngày 04/5/2023.

Như vậy, QTDND Xuân Trường đã thực hiện thủ tục tăng vốn điều lệ tăng vốn đúng theo Thông tư 05/2018/TT-NHNN của NHNN Việt Nam (đã được sửa

đổi bổ sung bởi Thông tư số 22/2022) và hạch toán tăng vốn điều lệ theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Thông tư 21/2019/TT-NHNN.

### **2.2.3. Về giới hạn vốn góp**

- Trong thời kỳ thanh tra, mức vốn góp cao nhất của thành viên là 620 triệu đồng (thành viên Lê Cam), chiếm tỷ lệ 8,9% vốn điều lệ tuân thủ quy định về giới hạn vốn góp tối đa đối với 01 thành viên theo quy định tại điểm 2 khoản 15 Điều 2 Thông tư số 21/2019/TT-NHNN: “2. Tổng mức vốn góp tối đa của một thành viên không được vượt quá 10% vốn điều lệ của QTDND”.

- Mức vốn góp tối đa của một thành viên và người liên quan: mức vốn tối đa của thành viên và người liên quan cao nhất trong thời kỳ thanh tra là 873 triệu đồng, chiếm 12,6%/vốn điều lệ. Cụ thể: nhóm thành viên có liên quan đến ông Lê Cam (Thành viên – nguyên Chủ tịch QTDND Xuân Trường), bà Lê Thị Thùy Linh (Thành viên – Trưởng phòng giao dịch Gia Ray QTDND Xuân Trường).

## **2.3. Vốn góp thành viên**

### **2.3.1. Về vốn góp xác lập tư cách thành viên**

- Trong thời kỳ thanh tra, QTDND Xuân Trường đã thực hiện thu mức vốn góp xác lập tư cách thành viên là 300.000 đồng/thành viên đối với các thành viên mới tham gia theo đúng quy định khoản 1 Điều 28 Thông tư số 04/2015/TT-NHNN (đã được sửa đổi bởi Thông tư số 21/2019/TT-NHNN), cụ thể: Trong năm 2021 thực hiện hạch toán góp xác lập tư cách thành viên của 52 thành viên với số tiền 15,6 triệu đồng; Trong năm 2022 thực hiện hạch toán vốn góp xác lập tư cách thành viên của 26 thành viên với số tiền 7,8 triệu đồng; Đến 30/9/2023 thực hiện thu vốn góp xác lập tư cách của 34 thành viên với số tiền 10,2 triệu đồng. Quỹ đang hạch toán khoản vốn góp xác lập chờ ghi nhận vào vốn điều lệ là 1,2 triệu đồng vào tài khoản 4599 – Các khoản chờ thanh toán đúng theo hướng dẫn tại Công văn số 294/NHNN-TCKT ngày 11/01/2019 của NHNN Việt Nam.

### **2.3.2. Việc thu vốn góp bổ sung:**

Theo Điều lệ quy định việc góp vốn bổ sung được thực hiện như sau: “mức vốn góp bổ sung của thành viên quỹ tín dụng tối thiểu từ 100.000 đồng đến không vượt quá 10% vốn điều lệ”. Trong thời kỳ thanh tra, Quỹ thực hiện thu vốn góp bổ sung đúng theo Điều lệ hoạt động, cụ thể như sau: năm 2021 thu vốn góp bổ sung 322,7 triệu đồng của 39 thành viên, năm 2022 thu vốn góp bổ sung 278,4 triệu đồng của 33 thành viên, đến 30/9/2023 thu vốn góp bổ sung 199,7 triệu đồng của 24 thành viên.

Tuy nhiên, QTDND Xuân Trường hạch toán và theo dõi vốn điều lệ ở 2 khoản mục là vốn góp thường xuyên và vốn góp xác lập là chưa phù hợp theo Điều 23 Thông tư 04/2015/TT-NHNN: “...Vốn điều lệ của quỹ tín dụng nhân dân được bổ sung từ các nguồn sau đây: a) Vốn góp xác lập tư cách thành viên, vốn góp bổ sung;”

Trách nhiệm liên quan: Lê Thị Hoài Thương – Kế toán; Nguyễn Ngọc Lân – Kế toán trưởng; Trần Thế Phong – Giám đốc.

## 2.4. Việc cấp và sử dụng sổ góp vốn, thẻ thành viên

Trong thời kỳ thanh tra, QTDND Xuân Trường có thực hiện cấp, mở sổ theo dõi việc cấp sổ góp vốn/thẻ thành viên mới kết nạp sau khi được Đại hội thành viên thông qua tư cách thành viên theo quy định tại điểm b, c khoản 4 Điều 28 Thông tư số 04/2015/TT-NHNN. Tuy nhiên, QTDND Xuân Trường sử dụng thẻ thành viên chưa đúng mẫu do ngân hàng HTX hướng dẫn thống nhất trên toàn hệ thống QTDND theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 28 Thông tư số 04/2015/TT-NHNN “b) *Phát hành Thẻ thành viên theo mẫu do ngân hàng HTX hướng dẫn thống nhất trên toàn hệ thống QTDND cho thành viên mới sau khi được Đại hội thành viên thông qua danh sách kết nạp thành viên mới*”.

QTDND Xuân Trường có mở sổ theo dõi vốn góp của thành viên theo quy định tại điểm 6 khoản 15 Điều 2 Thông tư số 21/2019/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 28 Thông tư số 04/2015/TT-NHNN “6. *QTDND phải mở sổ theo dõi vốn góp xác lập tư cách thành viên, vốn góp bổ sung, chuyển nhượng và nhận chuyển nhượng vốn góp.*”

## 2.5. Về chuyển nhượng vốn góp và hoàn trả vốn góp:

### 2.5.1. Chuyển nhượng vốn góp:

Trong thời kỳ thanh tra, QTDND Xuân Trường thực hiện xác nhận chuyển nhượng vốn góp đối với 03 trường hợp như sau:

| Ngày chuyển nhượng | Bên chuyển nhượng     | Bên nhận chuyển nhượng | Số tiền chuyển nhượng (triệu đồng) |
|--------------------|-----------------------|------------------------|------------------------------------|
| 01/06/2021         | La Đình Chí           | Nguyễn Thị Ngọc Thương | 35                                 |
| 07/07/2022         | La Đình Chí           | Trịnh Hải Đường        | 50,5                               |
| 09/1/2023          | Trần Cao Cường        | Lê Thị Thùy Linh       | 1                                  |
| 08/03/2023         | Nguyễn Ngọc Kim Duyên | Bùi Đình Bộ            | 20                                 |

Qua kiểm tra hồ sơ chuyển nhượng vốn góp trong thời kỳ thanh tra, có 03/04 trường hợp (Nguyễn Thị Ngọc Thương; Lê Thị Thùy Linh, Bùi Đình Bộ) không có chữ ký của người nhận chuyển nhượng trên đơn chuyển nhượng; Thông tin trên sổ góp vốn của các thành viên chuyển nhượng do Quỹ thu hồi lưu trữ chưa cập nhập số dư vốn góp còn lại, *HDQT chưa có báo cáo thẩm định điều kiện, danh sách thành viên xin ra và chấm dứt tư cách thành viên*. Ngoài ra, QTDND Xuân Trường thực hiện thủ tục chuyển nhượng vốn góp giữa các thành viên ngay khi HDQT chấp thuận mà không thông qua ĐHTV là chưa đúng theo Điều lệ của QTDND Xuân Trường quy định: “*Việc hoàn trả, chuyển nhượng toàn bộ vốn góp của thành viên phải được Hội đồng quản trị chấp thuận, sau đó HDQT thông qua Đại hội thành viên gần nhất*”.

Trách nhiệm liên quan: Hội đồng quản trị QTDND Xuân Trường các nhiệm kỳ trong thời kỳ thanh tra.

### 2.5.2 Về việc chấm dứt tư cách thành viên và hoàn trả vốn góp:

Đại hội thành viên thường niên năm 2021 tổ chức ngày 26/3/2022 chấp thuận danh sách chấm dứt tư cách thành viên đối với 09 thành viên tự nguyện rút vốn với số tiền 4,2 triệu đồng; Đại hội thành viên thường niên năm 2022 tổ chức ngày 22/3/2023 chấp thuận danh sách chấm dứt tư cách thành viên đối với 02 thành viên 0,8 triệu đồng.

Việc hoàn trả vốn góp của thành viên qua các năm được Đại hội thành viên thông qua theo đúng quy định tại điểm 2 khoản 16 Điều 2 Thông tư số 21/2019/TT-NHNN và điểm 3 khoản 16 Điều 2 Thông tư số 21/2019/TT-NHNN. Tuy nhiên, việc hoàn trả vốn góp cho thành viên chưa phù hợp theo quy định, cụ thể:

- HĐQT chưa có báo cáo thẩm định điều kiện danh sách thành viên xin ra để xem xét chấm dứt tư cách thành viên là chưa phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 30 Thông tư số 04/2015/TT-NHNN ngày 31/3/2015 (đã được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư 21/2019/TT-NHNN) của NHNN Việt Nam.

Trách nhiệm liên quan: Hội đồng quản trị nhiệm kỳ (2022-2027).

## **2.6. Việc chia lãi cho thành viên:**

Trong thời kỳ thanh tra, QTDND Xuân Trường hoạt động kinh doanh có hiệu quả, lợi nhuận tương đối tốt, tỷ suất lợi nhuận/vốn chủ sở hữu cao hơn so với các Quỹ tín dụng trên địa bàn. Trên cơ sở kết quả kinh doanh thời điểm kết thúc năm tài chính Quỹ trình Đại hội thông qua phương án phân phối lợi nhuận và chi trả lãi vốn góp cho thành viên. Cụ thể:

- Lợi nhuận sau thuế năm 2021 đạt 1.858 triệu đồng, sau khi trích lập các Quỹ theo quy định, Đại hội thành viên thường niên năm 2021 tổ chức ngày 26/3/2022 thông qua việc chia lãi vốn góp thành viên với số tiền 1.018 triệu đồng tương ứng với mức lãi suất 1,3%/tháng.

- Lợi nhuận sau thuế năm 2022 đạt 2.180 triệu đồng, sau khi trích lập các Quỹ theo quy định, Đại hội thành viên thường niên năm 2022 tổ chức ngày 22/3/2023 thông qua việc chia lãi vốn góp thành viên với số tiền 1.064 triệu đồng tương ứng với mức lãi suất 1,3%/tháng.

Về chi trả lãi vốn góp cho Thành viên được thực hiện theo Điều lệ hoạt động của Quỹ: *“HĐQT quyết định tạm ứng chia lãi cho thành viên góp vốn trên cơ sở 6 tháng một lần và quyết toán lãi đã chia cho thành viên sau khi phương án phân phối lợi nhuận được thông qua Đại hội thành viên quyết định”*. Thực tế hàng năm, HĐQT ban hành Nghị quyết về việc tạm ứng chia lãi cổ đông góp vốn thường xuyên 2 lần/năm để làm cơ sở cho các bộ phận triển khai thực hiện. QTDND Xuân Trường thực hiện tạm ứng chi lãi cho thành viên góp vốn thường xuyên và gọi điện thành viên trong danh sách đến nhận và ký xác nhận nhận tiền. Đến Đại hội thường niên, Quỹ thực hiện báo cáo Đại hội thành viên thông qua việc phân phối lợi nhuận và thực hiện thủ tục hoàn tạm ứng. Đến thời điểm 30/9/2023, Quỹ đang theo dõi số tiền lãi cổ tức góp vốn phải trả cho thành viên các năm là 853 triệu đồng nguyên nhân cộng dồn lãi cổ tức của các thành viên không đến nhận do số tiền nhỏ và không liên hệ được thành viên.

Tuy nhiên, việc chia lãi vốn góp cho Thành viên còn chưa phù hợp theo quy định, cụ thể:

- QTDND Xuân Trường chi trả lãi vốn góp xác lập cho thành viên trong khoảng thời gian chờ phê duyệt ghi nhận vào vốn điều lệ từ tài khoản 692.01 lợi nhuận năm trước là chưa đúng theo hướng dẫn tại Công văn số 9276/NHNN-TCKT ngày 21/12/2020: “*QTDND mở tài khoản chi tiết thuộc tài khoản 809-chi phí khác cho hoạt động tín dụng để hạch toán số tiền lãi phải trả cho người góp vốn từ thời điểm nhận vốn góp đến thời điểm hoàn tất trình tự thủ tục làm thành viên*”.

- Quỹ thực hiện tạm ứng chi trả lãi vốn góp dành riêng cho các Thành viên góp vốn thường xuyên là chưa đảm bảo đầy đủ quyền lợi cho tất cả các thành viên theo nguyên tắc tổ chức hoạt động của một hợp tác xã quy định tại khoản 3 Điều 7 Luật Hợp tác xã số 23/2012/QH13 ngày 20/11/2012: “*...Thành viên, hợp tác xã thành viên có quyền bình đẳng, biểu quyết ngang nhau không phụ thuộc vốn góp ...; được cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác về hoạt động sản xuất, kinh doanh, tài chính, phân phối thu nhập và những nội dung khác theo quy định của điều lệ...*”

Trách nhiệm liên quan: Hội đồng quản trị nhiệm kỳ VI (2017-2022); Hội đồng quản trị nhiệm kỳ VII (2022-2027).

## 2.7. Về xác minh vốn góp:

Đoàn thanh tra lựa chọn thực hiện xác minh, đối chiếu thành viên góp vốn có số tiền vốn góp từ 177 triệu trở lên đối với 12 thành viên góp vốn với tổng số tiền 4.136,5 triệu đồng, tỷ lệ đối chiếu 59% vốn điều lệ.

| STT | Số sổ góp vốn | Họ và tên           | CMND         | Địa chỉ thường trú                              | Ngày tham gia góp vốn | Số tiền góp vốn (triệu đồng) |
|-----|---------------|---------------------|--------------|-------------------------------------------------|-----------------------|------------------------------|
| 1   | TD 0013709    | Lê Cam              | 049052006534 | Thị trấn Gia Ray, Xuân Lộc, Đồng Nai            | 29/10/2003            | 620                          |
| 2   | TD 0013716    | Trần Văn Chuyên     | 030059012333 | Tổ 2, khu &, Thị trấn Gia Ray, Đồng Nai         | 18/12/18              | 535                          |
| 3   | TD 0013768    | Nguyễn Thị Kim Dung | 038050017875 | khu phố 5, Thị trấn Gia Ray, Xuân Lộc, Đồng Nai | 12/10/2005            | 500                          |
| 4   | TD0013751     | Trịnh Hải Đường     | 079062018391 | Ấp Trung Nghĩa, Xuân Trường, Xuân Lộc           | 25/11/2003            | 477,5                        |
| 5   | TD0013724     | Hồ Văn Điền         | 045057003027 | Ấp Trung Nghĩa, Xuân Trường, Xuân Lộc, Đồng Nai | 04/11/2003            | 338                          |
| 6   | TD0013776     | Trần Trung Văn      | 038050017875 | khu phố 5, Thị trấn Gia Ray, Xuân Lộc, Đồng Nai | 09/02/2007            | 325                          |
| 7   | TD0013750     | Trần Thế Phong      | 046073005266 | Ấp Trung Tín, Xuân Trường, Xuân Lộc, Đồng Nai   | 19/11/2003            | 315                          |
| 8   | TD 0013733    | Lê Thị Thùy Linh    | 075174006137 | Thị trấn Gia Ray, Xuân Lộc, Đồng Nai            | 31/8/2021             | 253                          |
| 9   | TD 0013726    | Nguyễn Tiến Đoan    | 048066000321 | Ấp Trung Sơn, Xuân Trường, Xuân Lộc, Đồng Nai   | 05/11/2003            | 210                          |

|    |            |                                        |              |                                          |            |                |
|----|------------|----------------------------------------|--------------|------------------------------------------|------------|----------------|
| 10 | TD0013717  | Trần Ngọc Lân                          | 068072005116 | Tân Hòa, Xuân Thành, Xuân Lộc, Đồng Nai. | 30/10/2003 | 201            |
| 11 | TD 0013707 | Phan Thị Hậu                           | 033171011073 | Tổ 5, Suối Cao, Xuân Lộc, Đồng Nai       | 28/10/2003 | 185            |
| 12 | TD 0013782 | Nguyễn T Ngọc Thương                   | 75186019992  | Ấp Trung Sơn, Xuân Trường                | 18/02/2008 | 177            |
|    |            | <b>Tổng cộng</b>                       |              |                                          |            | <b>4.136,5</b> |
|    |            | <b>Tỷ lệ đối chiếu/vốn điều lệ (%)</b> |              |                                          |            | <b>59%</b>     |

Kết quả xác minh 12 thành viên góp vốn tại Quỹ đều xác nhận có góp vốn vào QTDND Xuân Trường, thông tin số tiền trên sổ góp vốn trùng khớp thông tin theo dõi tại Quỹ, có nhận lãi cổ tức hàng năm, số tiền góp vốn ghi nhận trên sổ thuộc chính sở hữu của thành viên và thành viên cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đã ghi trong biên bản đối chiếu xác minh.

### **3. Thanh tra việc chấp hành quy định của pháp luật về huy động vốn và lãi suất huy động**

#### **3.1. Việc ban hành các chính sách, quy định nội bộ**

QTDND Xuân Trường ban hành quy định nội bộ về giao dịch tiền gửi tiết kiệm, về phương pháp tính lãi trong hoạt động nhận tiền gửi, cấp tín dụng Quy chế về tiền gửi tiết kiệm theo Quy chế số 06/QC-HĐQT ban hành theo Quyết định số 16/QĐ-HĐQT ngày 04/10/2022 của HĐQT QTDND Xuân Trường. Nội dung của quy chế ban hành kịp thời và cơ bản phù hợp với quy định tại Thông tư số 48/2018/TT-NHNN ngày 31/12/2018 của NHNN Việt Nam quy định về tiền gửi tiết kiệm và Thông tư số 04/2022/TT-NHNN ngày 16/6/2022 của NHNN Việt Nam về việc áp dụng lãi suất rút trước hạn tiền gửi tại Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

#### **\* Về lãi suất huy động:**

Trong thời kỳ thanh tra, QTDND Xuân Trường đã ban hành 17 thông báo về việc áp dụng biểu lãi suất huy động như sau: (Phụ lục 2 biểu lãi suất công bố tại QTDND Xuân Trường trong thời kỳ thanh tra).

Qua kết quả kiểm tra, trong thời kỳ thanh tra biểu lãi suất huy động vốn được QTDND Xuân Trường ban hành và áp dụng cho khách hàng gửi tiền đối với loại hình tiền gửi không kỳ hạn; kỳ hạn từ 01 tháng đến dưới 06 tháng thực hiện đúng theo các quy định về mức lãi suất tối đa đối với tiền gửi bằng đồng Việt Nam của tổ chức, cá nhân tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Thông tư số 07/2014/TT-NHNN ngày 17/3/2014 của NHNN Việt Nam.

#### **3.2. Thanh tra hoạt động huy động vốn:**

Cơ cấu nguồn vốn huy động của QTDND Xuân Trường tại một số thời điểm như sau:

(Đơn vị tính: triệu đồng, lần)

| Chỉ tiêu                                           | 30/9/2023<br>(1) | 31/12/2022<br>(2) | 31/12/2021<br>(3) | So Sánh        |              |                |              |
|----------------------------------------------------|------------------|-------------------|-------------------|----------------|--------------|----------------|--------------|
|                                                    |                  |                   |                   | (2) so với (1) |              | (3) so với (1) |              |
|                                                    |                  |                   |                   | Số tiền        | Tỷ lệ        | Số tiền        | Tỷ lệ        |
| <b>Tổng nguồn vốn huy động</b>                     | <b>132.970</b>   | <b>124.178</b>    | <b>129.800</b>    | <b>8.792</b>   | <b>7,08%</b> | <b>3.170</b>   | <b>2,44%</b> |
| Trong đó: Vốn chủ sở hữu                           | 18.053           | 17.537            | 16.282            | 516            | 2,94%        | 1.771          | 10,87%       |
| <b>A. Huy động vốn từ khách hàng</b>               | <b>110.719</b>   | <b>102.845</b>    | <b>109.853</b>    | <b>7.874</b>   | <b>7,66%</b> | <b>867</b>     | <b>0,79%</b> |
| Mức nhận tiền gửi khách hàng so với VCSH (<20 lần) | 6,13             | 5,86              | 6,75              |                |              |                |              |
| <b>I. Phân theo thời hạn</b>                       | <b>110.719</b>   | <b>102.845</b>    | <b>109.853</b>    | <b>7.874</b>   | <b>7,66%</b> | <b>867</b>     | <b>0,79%</b> |
| 1. Tiền gửi KKH                                    | 16               | 48                | 1.027             |                |              |                |              |
| 2. Tiền gửi CKH                                    | 110.703          | 102.797           | 108.826           |                |              |                |              |
| 2.1. Từ 01 đến 12 tháng                            | 99.785           | 89.297            | 94.976            |                |              |                |              |
| 2.2. Từ 12 tháng trở lên                           | 10.918           | 13.500            | 13.850            |                |              |                |              |
| <b>II. Phân theo đối tượng</b>                     | <b>110.719</b>   | <b>102.845</b>    | <b>109.853</b>    | <b>7.874</b>   | <b>7,66%</b> | <b>867</b>     | <b>0,79%</b> |
| 1. Tiền gửi của TCKT                               |                  |                   |                   |                |              |                |              |
| 2. Tiền gửi của cá nhân                            | 110.719          | 102.845           | 109.853           | 7.874          | 7,66%        | 867            | 0,79%        |
| <b>III. Phân theo thành viên</b>                   | <b>110.719</b>   | <b>102.845</b>    | <b>109.853</b>    | <b>7.874</b>   | <b>7,66%</b> | <b>867</b>     | <b>0,79%</b> |
| 1. Trong thành viên                                | 67.796           | 62.633            | 66.984            |                |              |                |              |
| 2. Ngoài thành viên                                | 42.923           | 40.212            | 42.869            |                |              |                |              |
| Tỷ lệ huy động trong thành viên/tổng huy động vốn  | 61,23%           | 60,90%            | 60,99%            |                |              |                |              |
| <b>IV. Phân theo địa bàn</b>                       | <b>110.719</b>   | <b>102.845</b>    | <b>109.853</b>    | <b>7.874</b>   | <b>7,66%</b> | <b>867</b>     | <b>0,79%</b> |
| 1. Tại địa bàn hoạt động                           | 110.719          | 102.845           | 109.853           | 7.874          | 7,66%        | 867            | 0,79%        |
| 2. Ngoài địa bàn hoạt động                         | 0                | 0                 | 0                 |                |              |                |              |
| Tỷ lệ huy động tại địa bàn/tổng huy động vốn       | 100%             | 100%              | 100%              |                |              |                |              |
| <b>B. Vay vốn từ NH HTX</b>                        | <b>0</b>         | <b>0</b>          | <b>0</b>          |                |              |                |              |

(Nguồn: Số liệu báo cáo của QTDND Xuân Trường)

**Nhận xét:**

Đến 30/9/2023, tổng nguồn vốn hoạt động của QTDND Xuân Trường đạt 132.970 triệu đồng, trong đó tiền gửi của khách hàng 110.719 triệu đồng, vốn chủ sở hữu 18.053 triệu đồng, vốn vay tại các TCTD khác: không phát sinh. Nguồn vốn huy động của khách hàng vẫn là nguồn quan trọng và chủ yếu nhất trong cơ cấu nguồn vốn hoạt động tại QTDND Xuân Trường (chiếm tỷ trọng 83,27% tổng nguồn vốn hoạt động). Cơ cấu nguồn vốn huy động chưa đa dạng nguồn vốn huy động chủ yếu là tiền gửi tiết kiệm ngắn hạn của thành viên trong địa bàn hoạt động. Cơ cấu tiền gửi theo thời hạn và theo đối tượng qua các năm không có nhiều sự biến động tạo điều kiện thuận lợi để Quỹ có các dự báo về tình hình hoạt động, từ đó xây dựng chính sách chủ trương trong công tác điều hành hoạt động của Quỹ phù hợp với thực tế.

**Về tỷ lệ vốn huy động so với vốn chủ sở hữu:** QTDND Xuân Trường đảm bảo tỷ lệ vốn huy động/vốn chủ sở hữu theo đúng quy định tại khoản 3 Điều 2 Thông tư số 21/2019/TT-NHNN: “....3. Điều 8 được sửa đổi, bổ sung như sau: 2. Quỹ tín dụng nhân dân phải đảm bảo tổng mức nhận tiền gửi không được vượt quá 20 lần vốn chủ sở hữu.....”. Cụ thể: Tỷ lệ vốn huy động/vốn chủ sở hữu thời điểm 31/12/2021 là 6,75 lần; Thời điểm 31/12/2022 là 5,86 lần; Thời điểm 30/9/2023 là 6,13 lần.

**Về tỷ lệ huy động từ thành viên/tổng huy động:** tỷ lệ huy động từ thành viên/tổng huy động trong thời kỳ thanh tra đều trên 60%, đảm bảo tỷ lệ theo quy định tại khoản 19 Điều 2 Thông tư số 21/2019/TT-NHNN ngày 14/11/2019 sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 36 Thông tư số 04/2015/TT-NHNN ngày 31/3/2015 của NHNN Việt Nam “2...Tổng mức nhận tiền gửi từ thành viên của QTDND có địa bàn hoạt động liên xã tối thiểu bằng 60% tổng mức nhận tiền gửi của QTDND....”, cụ thể: Thời điểm 31/12/2021 đạt 60,99%; Thời điểm 31/12/2022 đạt 60,9%; Thời điểm 30/9/2023 đạt 61,23% đảm bảo tỷ lệ theo quy định.

**\* Về tiền gửi tại NHHTX:** Trong thời kỳ thanh tra, nguồn vốn chưa sử dụng hết QTDND Xuân Trường gửi tại Ngân hàng Hợp tác xã Chi nhánh Đồng Nai điều hòa vốn theo quy định, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

| Chỉ tiêu                                        | 30/9/2023 | 31/12/2022 | 31/12/2021 | So với 31/12/2022<br>Tăng [+], giảm [-] |           | So với 31/12/2021<br>Tăng [+], giảm [-] |           |
|-------------------------------------------------|-----------|------------|------------|-----------------------------------------|-----------|-----------------------------------------|-----------|
|                                                 |           |            |            | Số tiền                                 | Tỷ lệ (%) | Số tiền                                 | Tỷ lệ (%) |
| - Tiền gửi tại NHHTX                            | 28.156    | 9.158      | 36.949     | 18.998                                  | 207,45%   | -8.793                                  | -23,80%   |
| - Tiền gửi không kỳ hạn tại TCTD khác           | 2.702     | 4.110      | 2.126      | -1.408                                  | -34,27%   | 576                                     | 27,07%    |
| Tỷ lệ Tiền gửi tại TCTD/Huy động của khách hàng | 27,87%    | 12,90%     | 35,57%     |                                         |           |                                         |           |

- Đến thời điểm 30/9/2023, số dư tiền gửi tại Ngân hàng Hợp tác xã Chi nhánh Đồng Nai là 28.156 triệu đồng, bao gồm gốc, lãi nhập gốc của 10 Hợp đồng tiền gửi (HĐTĐ) và số dư tài khoản thanh toán là 9,4 triệu đồng, chi tiết như sau:

+ HĐTĐ số 074/2023/HĐTĐ/NHHTĐN ngày 21/02/2023, số tiền 2.280 triệu đồng, kỳ hạn 03 tháng, lãi suất 6%/năm (PLHĐ ngày 21/5/2023 điều chỉnh lãi suất áp dụng 5,5%/năm; PLHĐ ngày 21/8/2023 điều chỉnh lãi suất áp dụng 3,8%/năm).

+ HĐTĐ số 222/2023/HĐTĐ/NHHTĐN ngày 16/5/2023, số tiền 3.000 triệu đồng, kỳ hạn 06 tháng, lãi suất 6%/năm.

+ HĐTĐ số 251/2023/HĐTĐ/NHHTĐN ngày 31/5/2023, số tiền 2.500 triệu đồng, kỳ hạn 03 tháng, lãi suất 4,5%/năm (PLHĐ ngày 31/8/2023 điều chỉnh lãi suất áp dụng 3,7%/năm).

+ HĐTG số 322/2023/HĐTG/NHHTĐN ngày 22/6/2023, số tiền 2.000 triệu đồng, kỳ hạn 03 tháng, lãi suất 4,5%/năm (PLHĐ ngày 22/9/2023 điều chỉnh lãi suất áp dụng 3,3%/năm).

+ HĐTG số 333/2023/HĐTG/NHHTĐN ngày 27/6/2023, số tiền 3.000 triệu đồng, kỳ hạn 06 tháng, lãi suất 4,8%/năm.

+ HĐTG số 426/2023/HĐTG/NHHTĐN ngày 07/8/2023, số tiền 3.000 triệu đồng, kỳ hạn 02 tháng, lãi suất 3,8%/năm (PLHĐ ngày 07/10/2023 điều chỉnh lãi suất áp dụng 2,9%/năm).

+ HĐTG số 497/2023/HĐTG/NHHTĐN ngày 31/8/2023, số tiền 3.250 triệu đồng, kỳ hạn 06 tháng, lãi suất 4,4%/năm.

+ HĐTG số 543/2023/HĐTG/NHHTĐN ngày 19/9/2023, số tiền 3.000 triệu đồng, kỳ hạn 06 tháng, lãi suất 4,1%/năm.

+ HĐTG số 554/2023/HĐTG/NHHTĐN ngày 25/9/2023, số tiền 3.000 triệu đồng, kỳ hạn 06 tháng, lãi suất 4,1%/năm.

+ HĐTG số 571/2023/HĐTG/NHHTĐN ngày 29/9/2023, số tiền 3.000 triệu đồng, kỳ hạn 06 tháng, lãi suất 4,1%/năm.

Tại thời điểm 30/9/2023, số dư tiền gửi của QTDND Xuân Trường tại Ngân hàng Hợp tác xã Chi nhánh Đồng Nai có văn bản xác nhận số dư của Ngân hàng Hợp tác xã Chi nhánh Đồng Nai khớp đúng số liệu đang hạch toán trên bảng cân đối tài khoản kế toán.

### **3.3. Việc chấp hành các quy định về huy động, lãi suất huy động**

#### **3.3.1. Thanh tra việc nhận tiền gửi của khách hàng**

Kiểm tra chọn mẫu việc nhận tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn từ 02 đến 12 tháng của 22 khách hàng với 76 Sổ tiền gửi có tổng số dư tiền gửi đến 30/9/2023 là 25.507 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 23% vốn huy động tiền gửi từ khách hàng (*danh sách chi tiết sổ tiền gửi kiểm tra nêu tại mục 1 Phụ lục 1 sổ tiết kiệm chọn mẫu kiểm tra trong hoạt động huy động vốn*).

Kết quả kiểm tra QTDND Xuân Trường đã thực hiện huy động vốn theo đúng quy trình nội bộ và quy định tại Thông tư số 48/2018/TT-NHNN. Việc huy động vốn tại QTDND Xuân Trường có đầy đủ chứng từ (gồm giấy gửi tiền, thẻ lưu sổ tiết kiệm, nhật ký quỹ, sổ quỹ tiền mặt), các nội dung cần thiết ghi trên sổ tiết kiệm đã thể hiện đầy đủ và được hạch toán theo quy định (hạch toán vào tài khoản 42); lãi suất áp dụng ghi trên sổ tiết kiệm theo đúng quy định về biểu lãi suất ban hành trong từng thời kỳ. Qua đối chiếu các thông tin của khách hàng trên thẻ lưu và số dư tiền gửi trên sổ tiết kiệm khớp đúng, không có sự chênh lệch.

#### **3.3.2. Thanh tra việc tính lãi và chấp hành lãi suất huy động:**

Đoàn thanh tra tiến hành chọn mẫu kiểm tra các khách hàng gửi sổ tiết kiệm tất toán đúng hạn và tất toán trước hạn như sau:

- **Về việc chi trả tiền gửi đến hạn:** chọn mẫu kiểm tra 22 khách hàng (25 sổ tiền gửi) đã tất toán đúng hạn trong năm 2021, 2022, 2023 (*danh sách chi tiết sổ tiền gửi kiểm tra nêu tại mục 2 Phụ lục 1 sổ tiết kiệm chọn mẫu kiểm tra trong hoạt*

*động huy động vốn*). Kết quả kiểm tra: Đối với khoản tiền gửi đến hạn rơi vào ngày nghỉ thứ 7, chủ nhật, Quỹ cho khách hàng rút tiền gửi tiết kiệm vào ngày thứ 6 liền kề trước ngày đến hạn (trước 1 ngày hoặc 2 ngày) nhưng Quỹ không áp dụng lãi suất tiền gửi không kỳ hạn mà áp dụng mức lãi suất lãi suất có kỳ hạn trên sổ là không đúng quy định tại Điều 4, Điều 5 Thông tư 04/2022/TT-NHNN. (*Đơn cử các khách hàng sau: Võ Thị Luận, số sổ tiền gửi: AC1265890, ngày đến hạn: 08/07/2023, ngày tắt toán: 07/07/2023; Phạm Thị Lại, số sổ tiền gửi: AC1266369, ngày đến hạn: 30/04/2023, ngày tắt toán: 28/04/2023; Bùi Quang Trường, số sổ tiền gửi: AC1266532, ngày đến hạn: 23/09/2023, ngày tắt toán: 22/09/2023; Phạm Lệ, số sổ tiền gửi: AC1266535, ngày đến hạn: 23/09/2023, ngày tắt toán: 22/09/2023;...*)

- **Về việc khách hàng tắt toán trước hạn:** chọn mẫu kiểm tra 30 khách hàng (78 sổ tiền gửi) đã tắt toán trước hạn trong năm 2021, 2022, 2023 (*danh sách chi tiết sổ tiền gửi tắt toán trước hạn kiểm tra nêu tại mục 3 Phụ lục 1 sổ tiết kiệm chọn mẫu kiểm tra trong hoạt động huy động vốn*). QTDND Xuân Trường áp dụng mức lãi suất chi trả là lãi suất không kỳ hạn đã công bố trong từng thời kỳ đúng theo quy định.

- **Về việc khách hàng rút trước một phần gốc:** Kiểm tra chọn mẫu 10 trường hợp rút trước một phần gốc của 06 khách hàng (*danh sách chi tiết sổ tiền gửi rút trước một phần gốc kiểm tra nêu tại mục 4 Phụ lục 1 sổ tiết kiệm chọn mẫu kiểm tra trong hoạt động huy động vốn*). QTDND Xuân Trường thực hiện chi trả lãi không kỳ hạn cho phần gốc rút trước hạn theo Điều 5 Thông tư số 04/2022/TT-NHNN ngày 16/6/2022, phần gốc còn lại trên sổ được trả lãi suất theo mức lãi suất đang áp dụng đối với khoản tiền gửi mà khách hàng rút trước hạn một phần.

- **Phương pháp tính lãi:** QTDND Xuân Trường áp dụng công thức tính lãi để chi trả tiền gửi cho khách hàng đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư số 14/2017/TT-NHNN ngày 29/9/2017 của NHNN quy định phương pháp tính lãi trong hoạt động nhận tiền gửi, cấp tín dụng giữa tổ chức tín dụng và khách hàng: “... Số tiền lãi bằng tổng số dư thực tế nhân với số ngày duy trì số dư thực tế nhân với lãi suất và chia cho 365... ”.

- **Việc áp dụng các chương trình khuyến mại, lãi suất ưu đãi và chi hoa hồng môi giới.**

Trong thời kỳ thanh tra, QTDND Xuân Trường không áp dụng các chương trình khuyến mại, quà tặng cho khách hàng gửi tiền.

### 3.3.3. Việc thực hiện thay đổi mẫu Sổ tiền gửi tiết kiệm từ ngày 01/01/2020:

- Mẫu sổ tiết kiệm: QTDND Xuân Trường sử dụng sổ tiết kiệm theo đúng mẫu quy định tại khoản 20, Điều 2 Thông tư 21/2019/TT-NHNN và được đặt mua tại Ngân hàng HTX Chi nhánh Đồng Nai. Đến thời điểm 30/9/2023, QTDND Xuân Trường đã đăng ký mua và nhập sổ tiết kiệm trắng 03 lần từ Ngân hàng HTX Chi nhánh Đồng Nai, cụ thể như sau: Ngày 27/11/2020: Nhập 1.000 sổ tiết kiệm có kỳ hạn, số seri AC0830801 – AC0831800; Ngày 11/11/2021: Nhập 1.000 sổ tiết kiệm

có kỳ hạn, số seri AC1265801 – AC1266800; Ngày 04/11/2022: Nhập 1.000 sổ tiết kiệm có kỳ hạn, số seri AB6130001 – AB6131000

- Đến thời điểm 30/11/2023: Quỹ đã sử dụng 2.173 sổ tiết kiệm trắng có kỳ hạn, tồn 827 sổ tiết kiệm trắng có kỳ hạn, số seri như sau: AC1266706 - AC1266710 -> 05 sổ; AB6130170 - AB6130180) -> 11 sổ; AB6130190 - AB6131000) -> 811 sổ.

Kết quả kiểm tra việc lưu giữ bảo quản Sổ tiết kiệm trắng QTDND Xuân Trường có mở sổ theo dõi, kiểm kê nhập, xuất, tồn sổ tiết kiệm trên bảng excel và chưa theo dõi hạch toán nhập/xuất sổ tiết kiệm trắng tại tài khoản ngoại bảng 999 là chưa đúng theo quy định tại khoản 20 Điều 2 Thông tư số 21/2019/TT-NHNN ngày 14/11/2019 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam “....Sổ tiết kiệm trắng phải được quản lý chặt chẽ như giấy tờ có giá và chỉ được lưu giữ tại trụ sở của quỹ tín dụng nhân dân...”.

### **3.4. Kết quả đối chiếu xác minh khách hàng gửi tiền**

Đoàn thanh tra đã kiểm tra chọn mẫu các khách hàng gửi tiền trên cơ sở ưu tiên những khách hàng có số dư tiền gửi lớn để tiến hành đối chiếu thực tế đối với 97 sổ tiết kiệm của 22 khách hàng với tổng số dư tiền gửi đến 30/9/2023 là 24.097 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 21,76% vốn huy động tiền gửi (*Phụ lục 03 danh sách xác minh khách hàng tiền gửi đính kèm*). Qua đối chiếu xác nhận các thông tin của khách hàng trên thẻ lưu và số dư tiền gửi trên sổ tiết kiệm khớp đúng, không có sự chênh lệch.

## **4. Thanh tra hoạt động cho vay**

### **4.1 Các chính sách, quy định nội bộ.**

QTDND Xuân Trường đã ban hành một số chính sách, quy định nội bộ liên quan đến hoạt động cấp tín dụng, gồm: Quy chế cho vay số 04/2022/QCCV ngày 04/8/2022; Quy định nội bộ về quy trình kiểm tra, giám sát quá trình vay vốn, sử dụng vốn và trả nợ khách hàng vay vốn số 03-QĐi/HĐQT ngày 05/12/2020; Quy chế về cơ cấu lại nợ số 15-QC/CCLN ngày 30/3/2020; Quy chế về phân loại nợ-trích lập dự phòng rủi ro số 09-QC/PLN ngày 04/10/2016; Quy định nội bộ về giảm, miễn lãi vay vốn đối với thành viên vay vốn số 03/QĐi/MGL ngày 06/10/2023; Quy chế quy định về giao dịch bảo đảm số 12-QC/GDĐB ngày 21/4/2018; Quy chế giao nhận, trả tài sản cho khách hàng số 13/QC-GNTS ngày 21/6/2018.

Về cơ bản Quỹ đã xây dựng được một hệ thống các chính sách, quy định nội bộ dựa trên các văn bản quy định của Ngân hàng Nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan phù hợp về loại hình hoạt động. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện còn một số tồn tại, sai phạm phổ biến liên quan đến công tác thẩm định, xét duyệt cho vay, thu thập hồ sơ vay vốn, kiểm tra sau cho vay cần được chấn chỉnh, khắc phục theo phần nhận xét mục 4.3.

### **4.2 Thực trạng tín dụng**

Thực trạng dư nợ cho vay tại một số thời điểm như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

| TT                                                        | Chỉ tiêu                                                           | 31/12/2021 | 31/12/2022 | 30/9/2023 | So sánh        |         |                |         |
|-----------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|------------|------------|-----------|----------------|---------|----------------|---------|
|                                                           |                                                                    |            |            |           | (3) so với (1) |         | (3) so với (2) |         |
|                                                           |                                                                    | (1)        | (2)        | (3)       | Số tiền        | +/- (%) | Số tiền        | +/- (%) |
| I. Cho vay khách hàng TCKT, cá nhân                       |                                                                    |            |            |           |                |         |                |         |
| 1                                                         | Phân theo thành viên                                               | 85.161     | 105.703    | 96.646    | 11.485         | 13,486  | -9.057         | -8,5683 |
|                                                           | - Cho vay thành viên                                               | 85.161     | 105.703    | 96.646    | 11.485         | 13,486  | -9.057         | -8,5683 |
|                                                           | - Cho vay ngoài thành viên                                         |            |            |           |                |         |                |         |
| 2                                                         | Phân theo nhóm nợ                                                  | 85.161     | 105.703    | 96.646    | 11.485         | 13,486  | -9.057         | -8,5683 |
|                                                           | - Nợ đủ tiêu chuẩn (N1)                                            | 85.161     | 105.703    | 95.996    | 10.835         | 12,723  | -9.707         | -9,1833 |
|                                                           | - Nợ cần chú ý (N2)                                                |            |            | 450       | 450            | 100     | 450            | 100     |
|                                                           | - Nợ dưới tiêu chuẩn (N3)                                          |            |            |           |                |         |                |         |
|                                                           | - Nợ nghi ngờ (N4)                                                 |            |            |           |                |         |                |         |
|                                                           | - Nợ có khả năng mất vốn (N5)                                      |            |            | 200       | 200            | 100     | 200            | 100     |
|                                                           | * Nợ xấu (nhóm 3-5)                                                |            |            | 200       | 200            | 100     | 200            | 100     |
|                                                           | * Tỷ lệ nợ xấu                                                     | 0          | 0          | 0,21      | 0              | 100     | 0              | 100     |
| 3                                                         | Phân loại nợ theo thời gian                                        | 85.161     | 105.703    | 96.646    | 11.485         | 13,486  | -9.057         | -8,5683 |
|                                                           | - Cho vay ngắn hạn                                                 | 77.330     | 101.078    | 93.131    | 15.801         | 20,433  | -7.947         | -7,8622 |
|                                                           | - Cho vay trung, dài hạn                                           | 7.831      | 4.625      | 3.515     | -4.316         | -55,114 | -1.110         | -24     |
| 4                                                         | Phân loại theo mục đích vay                                        | 85.161     | 105.703    | 93.646    | 8.485          | 9,9635  | -12.057        | -11,406 |
|                                                           | - Đầu tư bất động sản                                              | 0          | 0          | 0         | 0              |         | 0              |         |
|                                                           | - Sản xuất nông nghiệp                                             | 57.970     | 72.309     | 68.610    | 10.640         | 18,354  | -3.699         | -5,1155 |
|                                                           | - Kinh doanh dịch vụ                                               | 22.289     | 29.079     | 25.846    | 3.557          | 15,959  | -3.233         | -11,118 |
|                                                           | - Tiêu dùng                                                        | 4.767      | 4.215      | 2.030     | -2.737         | -57,416 | -2.185         | -51,839 |
| 5                                                         | Phân theo địa bàn hoạt động                                        | 85.161     | 105.703    | 96.646    | 11.485         | 13,486  | -9.057         | -8,5683 |
|                                                           | - Thị trấn Gia Ray                                                 | 22.705     | 25.249     | 18.712    | -3.993         | -8      | -6.537         | -6      |
|                                                           | - Xã Xuân Tâm                                                      | 13.082     | 15.677     | 17.190    | 4.108          | 31      | 1.513          | 10      |
|                                                           | - Xã Xuân Trường                                                   | 15.578     | 20.819     | 20.342    | 4.767          | 31      | -477           | -2      |
|                                                           | - Xã Suối Cao                                                      | 27.142     | 36.771     | 32.593    | 5.451          | 20      | -4.178         | -11     |
|                                                           | - Xã Xuân Thành                                                    | 6.654      | 7.188      | 7.809     | 1.155          | 17      | 621            | 9       |
| 6                                                         | Phân theo TSDB                                                     |            |            |           |                |         |                |         |
|                                                           | - Có Tài sản đảm bảo                                               | 84.356     | 104.898    | 95.843    | 11.487         | 14      | -9.055         |         |
|                                                           | - Giữ sổ (không đăng ký GDBĐ)                                      | 787        | 775        | 748       | -39            | -5      | -27            | -3      |
|                                                           | - Không tài sản đảm bảo                                            | 18         | 30         | 55        | 37             | 205     | 25             | 83      |
| II. Việc chấp hành các tỷ lệ an toàn về hoạt động cho vay |                                                                    |            |            |           |                |         |                |         |
| 1                                                         | Tỷ lệ cho vay tối đa 01 khách hàng/Vốn tự có                       | 13,34      | 12,44      | 14,71     | 1,37           |         | 2,27           |         |
| 2                                                         | Tỷ lệ cho vay tối đa 01 khách hàng và người có liên quan/Vốn tự có | 5          | 24,87      | 24,71     | 19,71          |         | -0,16          |         |
| 3                                                         | Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn                     | -2,03      | -3,46      | -4,29     | 2,26           |         | 0,83           |         |

### **Nhận xét:**

- Nhìn chung, trong thời kỳ thanh tra, hoạt động cho vay của Quỹ có được duy trì khá ổn định, biến động tăng/giảm không nhiều, chất lượng tín dụng được kiểm soát tốt, tỷ lệ nợ xấu thấp dưới 0,5%. Với địa bàn hoạt động tập trung khá nhiều các TCTD có đa dạng phong phú các sản phẩm dịch vụ nhưng Quỹ đã tạo được niềm tin và tập trung lượng vốn lớn nhằm hỗ trợ thành viên vay vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, đời sống.

- QTDND Xuân Trường đã tuân thủ các tỷ lệ an toàn về hoạt động cho vay theo quy định tại Thông tư số 32/2015/TT-NHNN; Tỷ lệ dư nợ cho vay có tài sản đảm bảo/tổng dư nợ được duy trì ổn định và ở mức khá cao với tỷ lệ trên 99% dư nợ cho vay sẽ giúp Quỹ giảm nguy cơ mất vốn trong trường hợp phát sinh các khoản nợ có vấn đề.

- Cơ cấu dư nợ tín dụng về thời hạn cho vay; mục đích cho vay và địa bàn cho vay tương đối phù hợp với đặc thù kinh tế tại địa phương. Cụ thể: tập trung phát triển lĩnh vực nông nghiệp với thời hạn cho vay ngắn hạn theo vòng đời thu hoạch của sản phẩm nông nghiệp.

- Với mạng lưới hoạt động gồm trụ sở chính và 02 phòng giao dịch giúp Quỹ tiếp cận với thành viên tốt hơn, nhanh chóng cung cấp các khoản vốn vay kịp thời, dư nợ cho vay dần trải khá đồng đều ở các địa bàn hoạt động.

#### **4.1. Thực trạng dư nợ:**

#### **4.2 Thanh tra chấp hành quy chế cho vay**

- Kết quả thanh tra: Tiến hành kiểm tra chọn mẫu 131 hồ sơ khách hàng vay vốn với tổng dư nợ đến 30/9/2023 là 67.951 triệu đồng, chiếm 70,31% tổng dư nợ cho vay (*chi tiết tại biểu Phụ lục 4.2-Danh sách khách hàng vay được thanh tra đính kèm*). Trong đó: (i) 129 hồ sơ nợ nhóm 1 với tổng dư nợ 67.301 triệu đồng; (ii) 01 hồ sơ nợ nhóm 2 với dư nợ 450 triệu đồng; (iii) 01 hồ sơ nợ xấu (nhóm 5) với tổng dư nợ 200 triệu đồng, chiếm 100% nợ xấu.

- Vi phạm phát hiện qua thanh tra: Tổng số hồ sơ có liên quan đến các tồn tại, sai phạm gồm 83 hồ sơ khách hàng với tổng dư nợ có liên quan là 47.351 triệu đồng, chiếm 69,68% so với dư nợ cho vay được kiểm tra (*chi tiết tại biểu Phụ lục 4.1-Tổng hợp sai phạm về cho vay đính kèm*); các sai phạm mang tính phổ biến, đặc biệt trong công tác thẩm định xét duyệt cho vay; kiểm tra, giám sát vốn vay, hồ sơ vay vốn, bảo đảm tiền vay thể hiện khá nhiều tồn tại, hạn chế trong công tác điều hành, hoạt động của Ban tín dụng. Cụ thể như sau:

##### **4.2.1. Về hồ sơ vay vốn:**

QTDND Xuân Trường thực hiện cho vay nhưng chưa thu thập đầy đủ hồ sơ vay vốn như: thiếu hồ sơ pháp lý liên quan đến ngành nghề kinh doanh của khách hàng (*ví dụ: khách hàng vay vốn để chăn nuôi heo với quy mô khá lớn nhưng chưa có hồ sơ pháp lý liên quan ngành nghề chăn nuôi; khách hàng vay vốn để buôn bán (tạp hóa, rau, trái cây...) nhưng hồ sơ vay vốn không có Giấy phép kinh doanh của UBND huyện; chưa có các giấy phép khác, liên quan đến điều kiện hoạt động kinh doanh cầm đồ*); thu thập không đầy đủ thông tin trong các chứng từ chứng minh

phương án vay vốn (như thiếu thông tin ngày tháng, tên người mua, người bán... trong giấy tay ghi chép mua bán; vay vốn để sản xuất nông nghiệp và chăn nuôi nhưng chưa có đầy đủ tài liệu, hồ sơ chứng minh quyền sử dụng đất tương ứng với diện tích khai thác); hồ sơ, tài liệu chứng minh nguồn trả nợ của khách hàng chưa đầy đủ (như chưa có thỏa thuận nguồn trả nợ vay (từ thu nhập của việc kinh doanh nhà nghỉ, khách sạn) giữa người thân của Khách hàng và Khách hàng) ... đối với 10 khách hàng, tổng dư nợ có liên quan 10.561 triệu đồng, cụ thể:

(1). KH Phạm Văn Thỏa, dư nợ 1.900 triệu đồng; (2). KH Lê Ngọc Tuyết, dư nợ 300 triệu đồng; (3). KH Đoàn Thị Hạnh, dư nợ 400 triệu đồng; (4). KH Nguyễn Tự Do, dư nợ 2.200 triệu đồng; (5). KH Phạm Văn Hiếu, dư nợ 800 triệu đồng; (6). KH Vũ Xuân Thanh, dư nợ 600 triệu đồng; (7). KH Trần Thị Thúy Hoa, dư nợ 500 triệu đồng; (8). KH Nguyễn Thị Yên, dư nợ 300 triệu đồng; (9). KH Nguyễn Đình Thắng, dư nợ 2.500 triệu đồng; (10). KH Nguyễn Thị Thắm, dư nợ 1.061 triệu đồng.

*Việc QTDND Xuân Trường chưa yêu cầu khách hàng cung cấp các hồ sơ, tài liệu liên quan là chưa đúng quy định tại Điều 9 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.*

*(Những người có liên quan: CBTD: Trần Trung Kiên/Phan Thị Hậu/Lê Thị Thùy Linh; Lãnh đạo phê duyệt: Trần Thế Phong (Giám đốc); Ban Tín dụng (Trịnh Hải Đường, Trần Thế Phong, Phan Thị Hậu)).*

#### **4.2.2. Về công tác thẩm định, xét duyệt cho vay:**

QTDND Xuân Trường thẩm định và xét duyệt cho vay còn chưa đầy đủ, chặt chẽ, một số nội dung chưa định lượng được, cụ thể như:

+ Chưa xác định đầy đủ thông tin, căn cứ, chưa đánh giá phân tích chặt chẽ các khía cạnh, nội dung để làm cơ sở thẩm định tính khả thi của phương án vay vốn: Cho vay canh tác nông nghiệp (vườn cây, hoa lan...), chăn nuôi (heo, bò, dê, gà...) nhưng không xác định tỷ lệ hao hụt trong quá trình chăn nuôi, tỷ lệ sinh sản của vật nuôi, quy mô chăn nuôi, cơ sở vật chất trang trại, thời gian vòng quay chăn nuôi; tỷ lệ thu hoạch tiêu chuẩn của cây trồng trên 1 đơn vị diện tích canh tác, địa điểm/vị trí trồng trọt/chăn nuôi, hiện trạng đất canh tác (số lượng cây trồng, độ tuổi, độ phì nhiêu của đất, sản lượng, năng suất cây trồng...), kinh nghiệm/hiệu quả trồng trọt chăn nuôi của Khách hàng, thị trường tiêu thụ, khả năng tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn; Cho vay phục vụ mua bán hàng hóa, bổ sung vốn kinh doanh nhưng chưa liệt kê các mặt hàng kinh doanh chính, quy mô buôn bán, so sánh tính cạnh tranh trên thị trường, chưa đánh giá hiệu quả hoạt động trong quá khứ của Khách hàng, chưa thu thập sổ sách chứng từ theo dõi hoạt động kinh doanh để làm cơ sở ghi nhận tình hình hoạt động; Chưa đánh giá quy mô chăn nuôi là nông hộ hay trang trại (theo Luật Chăn nuôi 2018) để xem xét mức độ đáp ứng các điều kiện pháp lý; Một số ngành nghề kinh doanh có tính mùa vụ nhưng chưa đánh giá rủi ro trong hoạt động sản xuất nông nghiệp (dịch bệnh, giá cả thị trường...); không xác định chi tiết chi phí đầu tư cho dự án của Khách hàng (chi phí thức ăn chăn nuôi, phân bón, con giống, cây giống...);

+ Việc thẩm định hiệu quả kinh doanh, đánh giá nguồn thu nhập trả nợ còn nhiều thiếu sót, chưa hợp lý, thống nhất trong tương quan thu nhập và chi phí của phương án vay vốn như: Xác định mức giá bán đầu ra chưa phù hợp (*cao hơn nhiều so với mức bình quân tại địa phương; giá bán thịt bò theo trọng lượng thịt, không phải giá bán nguyên con để phù hợp đặc thù kinh doanh chăn nuôi theo đàn*); Thẩm định chi phí đầu tư có chi phí mua Lan Kiếm nhưng không có thu nhập từ kinh doanh cây trồng này; Không xác định căn cứ cụ thể khi đánh giá thu nhập hàng tháng và cơ sở đánh giá tỷ lệ hiệu quả kinh doanh trên thu nhập; Nguồn thu nhập chủ yếu từ việc bán sản phẩm trồng trọt/chăn nuôi cho các đối tác tự do nhưng chưa đánh giá mối quan hệ với các đối tác (*khách hàng truyền thống hay mới*) và biến động giá cả của thị trường;

+ Định kỳ hạn trả nợ chưa phù hợp với khả năng tài chính, chưa phù hợp với chu kỳ sản xuất, đặc thù kinh doanh của khách hàng như: Thẩm định cho vay để thực hiện đồng thời các hoạt động khác nhau (*chăn nuôi, trồng trọt hoặc kinh doanh các ngành nghề khác*) có chu kỳ hoạt động, kỳ luân chuyển vốn không giống nhau nhưng định kỳ hạn trả nợ gốc vào cuối kỳ là chưa hợp lý và chưa đảm bảo kiểm soát việc sử dụng/thu hồi vốn vay của Khách hàng đúng thời điểm thu hoạch, xuất chuồng, bán hàng...; Cho vay chăn nuôi heo nhưng không xác định thời gian trả nợ gốc theo chu kỳ kinh doanh đặc thù của ngành nghề (*6 tháng/lần*); Không có đánh giá về sự tương thích giữa thời điểm thu hoạch và thời gian trả nợ khoản vay để xem xét khả năng, thời hạn trả nợ phù hợp; Cho vay trung hạn (*sửa nhà ở hoặc kinh doanh dịch vụ nhà nghỉ, khách sạn*) có nguồn thu nhập hàng tháng từ lương, tiền thuê phòng... nhưng định kỳ hạn trả nợ gốc hàng năm là chưa phù hợp, tiềm ẩn rủi ro về khả năng thu nợ gốc đến hạn; Chưa đánh giá chu kỳ sản xuất nông nghiệp và chu kỳ chăn nuôi để định kỳ hạn trả nợ phù hợp với vòng quay vốn; Khách hàng có thu nhập từ hoạt động kinh doanh hàng tháng nhưng thẩm định kỳ hạn trả nợ lãi cuối quý/cuối kỳ là chưa phù hợp với khả năng tài chính và chu kỳ sản xuất kinh doanh của khách hàng.

Các vấn đề trên được ghi nhận tại 64 hồ sơ khách hàng, với tổng dư nợ có liên quan là 36.670 triệu đồng (chi tiết xin xem phụ lục 4.1 đính kèm). Đơn cử các khách hàng sau:

(1) KH Trần Thị Ty, dư nợ 1500 triệu đồng; (2) KH Ngô Thị Thuý Hằng, dư nợ 1100 triệu đồng; (3) KH Lê Ngọc Nhân, dư nợ 1000 triệu đồng; (4) KH Nguyễn Xuân Dinh, dư nợ 900 triệu đồng; (5) KH Nguyễn Thị Ngọc Thương, dư nợ 600 triệu đồng; (6) KH Hồ Thị Bạch Liên, dư nợ 600 triệu đồng; (7) KH Thị Hường, dư nợ 500 triệu đồng; (8) KH Lý Mộc Quay, dư nợ 500 triệu đồng; (9) KH Trương Văn Phương, dư nợ 350 triệu đồng; (10) KH Trần Khắc Diễm, dư nợ 350 triệu đồng; (11) KH Trương Thị Thu Thùy, dư nợ 350 triệu đồng; (12) KH Lê Phúc Nhật, dư nợ 300 triệu đồng...

*Việc thẩm định cho vay những khách hàng nêu trên của QTDND Xuân Trường là chưa đáp ứng đầy đủ quy định tại khoản 1 Điều 17 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định*

về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

(Những người có liên quan: CBTD: Trần Trung Kiên/Phan Thị Hậu/Lê Thị Thùy Linh; Lãnh đạo phê duyệt: Trần Thế Phong (Giám đốc); Ban Tín dụng (Trình Hải Đường, Trần Thế Phong, Phan Thị Hậu))

#### **4.2.3. Về kiểm tra, giám sát vốn vay:**

QTDND Xuân Trường có thực hiện báo cáo kiểm tra, giám sát vốn vay nhưng nội dung kiểm tra, giám sát vốn vay chưa đầy đủ, chặt chẽ, chỉ kiểm tra chung chung tình hình sử dụng vốn vay, đánh giá sử dụng vốn đúng mục đích và tình hình tài chính ổn định... nhưng chưa thu thập đầy đủ chứng từ làm cơ sở chứng minh mục đích sử dụng vốn vay, cụ thể một số vấn đề như: Bảng kê thu mua hàng hóa dịch vụ/Hóa đơn bán lẻ không có đầy đủ thông tin (*không có chữ ký của người lập bảng, không có thông tin của người bán như họ tên, CCCD/CMND, địa chỉ nhà cung cấp...*); Thiếu hồ sơ chứng minh mục đích sử dụng vốn là sửa chữa nhà nghỉ, mua sắm vật dụng kinh doanh nhà nghỉ; Khách hàng vay từ năm 2022 để bổ sung vốn lưu động nhưng tại thời điểm kiểm tra hồ sơ, không có chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn và trong năm 2023, không có biên bản kiểm tra sử dụng vốn của Khách hàng; Chứng từ thể hiện mục đích sử dụng vốn kinh doanh dịch vụ xe du lịch chỉ có Giấy đăng ký xe, không có Giấy phép kinh doanh dịch vụ vận tải và các giấy tờ liên quan khác; Biên bản kiểm tra chưa thể hiện cụ thể việc sử dụng vốn theo phương án xin vay; Chưa thu thập đầy đủ các hồ sơ, tài liệu liên quan đến các nội dung được kiểm tra...bao gồm 36 hồ sơ khách hàng với tổng dư nợ có liên quan 22.201 triệu đồng (*chi tiết xin xem phụ lục 4.1 đính kèm*). Đơn cử các khách hàng sau:

(1) KH Trần Thị Ty, dư nợ 1500 triệu đồng; (2) KH Nguyễn Xuân Dinh, dư nợ 900 triệu đồng; (3) KH Thị Hường, dư nợ 500 triệu đồng; (4) KH Lý Mộc Quay, dư nợ 500 triệu đồng; (5) KH Lê Phúc Nhật, dư nợ 300 triệu đồng; (6) KH Trịnh Xuân Hiếu, dư nợ 300 triệu đồng; (7) KH Nguyễn Tảo, dư nợ 1200 triệu đồng; (8) KH Dương Đăng Phụng, dư nợ 700 triệu đồng; (9) KH Vũ Xuân Thanh, dư nợ 600 triệu đồng; (10) KH Nguyễn Thị Vân, dư nợ 550 triệu đồng; (11) KH Trần Thị Thúy Hoa, dư nợ 500 triệu đồng;...

Việc QTDND Xuân Trường kiểm tra, giám sát sử dụng vốn sau khi cho vay chưa đầy đủ, chưa chặt chẽ là thực hiện chưa đúng quy định Điều 24 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng và thực hiện chưa đúng theo quy định nội bộ của QTDND Xuân Trường.

Những người có liên quan: CBTD: Trần Trung Kiên/Trần Ngọc Hòa/Lê Thị Thùy Linh/Phan Thị Hậu (PGĐ), Giám đốc: Trần Thế Phong, Chủ tịch HĐQT: Trình Hải Đường.

#### **4.2.4. Về đảm bảo tiền vay:**

QTDND Xuân Trường chưa thực hiện chặt chẽ, đầy đủ các thủ tục liên quan đăng ký thay đổi/bổ sung nghĩa vụ được bảo đảm, thay đổi nội dung biện pháp bảo

đảm... đối với 02 khách hàng dư nợ 2.100 triệu đồng, cụ thể: **(1)** Chưa có hồ sơ thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi, bổ sung nghĩa vụ được bảo đảm sau khi Khách hàng ký Phụ lục Hợp đồng thế chấp mà Hợp đồng ban đầu không có nội dung về việc bảo đảm cho nghĩa vụ trong tương lai (*theo quy định tại Khoản g Điều 18 Nghị định 99/2022/NĐ-CP ngày 30/11/2022 quy định về đăng ký biện pháp bảo đảm*), tiềm ẩn rủi ro khi tiến hành xử lý tài sản bảo đảm khi phát sinh nợ xấu; **(2)** Không có hồ sơ thể hiện Quỹ đã thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi nội dung biện pháp bảo đảm đã đăng ký theo quy định tại khoản 6 Điều 18 Nghị định 102/2017/NĐ-CP ngày 01/09/2017 về đăng ký biện pháp bảo đảm, khi thay đổi nghĩa vụ bảo đảm “*trả nợ tiền vay, tiền lãi phát sinh (kể cả lãi quá hạn) của QTDND Xuân Trường tại Hợp đồng tín dụng số 56047/HĐTD ngày 30/05/2022*” sau khi ký Phụ lục Hợp đồng thế chấp ngày 30/05/2022.

Các vấn đề trên phát sinh ở 2 hồ sơ khách hàng, cụ thể: (1) Khách hàng Phạm Văn Thỏa, dư nợ 1.900 triệu đồng; (2) Khách hàng Nguyễn Tấn Huy, dư nợ 200 triệu đồng.

*Những người có liên quan: CBTĐ: Trần Trung Kiên/Trần Ngọc Hòa, Giám đốc: Trần Thế Phong, Ban Tín dụng.*

#### **4.2.5. Về các vấn đề khác:**

+ Quỹ TDND Xuân Trường chưa thể hiện đầy đủ nội dung về tần suất định giá lại tài sản bảo đảm trong quy chế của Quỹ, nhằm đánh giá lại giá trị tài sản bảo đảm phù hợp với thực tế thị trường tại từng thời điểm cho vay, giảm thiểu rủi ro khi xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi các khoản nợ quá hạn, nợ có vấn đề, nợ xấu.

+ Quỹ TDND Xuân Trường ban hành Bảng hệ số tính giá trị bất động sản khi thế chấp tại Quỹ theo Quyết định số 03/2020 ngày 05/11/2020 (*hiệu lực từ ngày 06/11/2020*) và Quyết định số 21/2022/QĐ-HĐQT ngày 22/12/2022 (*hiệu lực từ ngày 01/01/2023*) nhưng nội dung chi tiết về bảng giá đất trồng cây hàng năm, cây lâu năm, rừng sản xuất, nuôi trồng thủy sản không xác định cụ thể thông tin các đường nhóm 1,2,3 tương ứng với từng xã (*Xuân Trường, Suối Cao, Xuân Thành, Xuân Bắc, Xuân Tâm*) để làm cơ sở áp dụng mức định giá phù hợp theo từng nhóm đường.

+ Quỹ TDND Xuân Trường và Khách hàng thực hiện chứng thực/công chứng Hợp đồng thế chấp của một số Khách hàng tại UBND xã hoặc Văn phòng công chứng chưa đảm bảo đúng quy định thời gian theo Điều 43 Luật Công chứng 2014 (*tối đa không quá 2 ngày làm việc kể từ ngày thụ lý hồ sơ công chứng*).

#### **4.2.6. Kết quả chọn mẫu kiểm tra thực tế khách hàng vay vốn tại QTDND Xuân Trường:**

Kết quả chọn mẫu kiểm tra, xác minh thực tế 85 khách hàng vay vốn tại QTDND Xuân Trường với tổng dư nợ 50.601 triệu đồng, chiếm 74,5% tổng dư nợ kiểm tra (*Chi tiết tại phụ lục 4- Danh sách khách hàng vay được đối chiếu, xác minh tại QTDND Xuân Trường*). Qua đối chiếu xác minh: đa số khách hàng vay vốn để đầu tư canh tác nông nghiệp, chăn nuôi, xây sửa nhà, bổ sung vốn lưu động, đầu tư kinh doanh ...; xác nhận việc vay vốn tại Quỹ để bản thân sử dụng, nhận



đúng số tiền vay vốn ghi trên hợp đồng, sử dụng vốn theo nội dung ghi trên hợp đồng tín dụng.

## **5. Công tác phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro tín dụng**

### **5.1 Quy định, chính sách nội bộ:**

Hội đồng quản trị QTDND Xuân Trường đã ban hành Quy chế về Phân loại nợ, trích lập và sử dụng DPRR trong hoạt động của QTDND Xuân Trường theo Quyết định số 18/2022/QĐ-HĐQT ngày 04/11/2022, phù hợp với quy định tại Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22/04/2005 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về Phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng (Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN) và Quyết định số 18/2007/QĐ-NHNN ngày 25/04/2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN (Quyết định số 18/2007/QĐ-NHNN).

### **5.2 Công tác phân loại nợ, trích lập và sử dụng DPRR:**

#### **5.2.1 Tình hình phân loại nợ, trích lập và sử dụng DPRR:**

QTDND Xuân Trường thực hiện phân loại nợ, trích lập và sử dụng DPRR định kỳ hàng quý. Theo báo cáo của QTDND Xuân Trường tình hình phân loại nợ, trích lập và sử dụng DPRR tại thời điểm 30/11/2021 (quý IV/2021); 30/11/2022 (quý IV/2022) và 30/9/2023 (quý III/2023) như sau:

*Đơn vị tính: triệu đồng*

| Chỉ tiêu                                                       | Thời điểm 30/11/2021 |                |                 | Thời điểm 30/11/2022 |                |                 | Thời điểm 30/9/2023 |                |                 |
|----------------------------------------------------------------|----------------------|----------------|-----------------|----------------------|----------------|-----------------|---------------------|----------------|-----------------|
|                                                                | Dư nợ                | Dự phòng chung | Dự phòng cụ thể | Dư nợ                | Dự phòng chung | Dự phòng cụ thể | Dư nợ               | Dự phòng chung | Dự phòng cụ thể |
| <b>1. Tổng dư nợ nội bảng</b>                                  | <b>84.898</b>        | <b>636,5</b>   | <b>0</b>        | <b>102.760</b>       | <b>770,47</b>  | <b>0</b>        | <b>96.646</b>       | <b>722,93</b>  | <b>3,55</b>     |
| <b>2. Phân loại nợ</b>                                         | <b>84.898</b>        | <b>636,5</b>   | <b>0</b>        | <b>102.760</b>       | <b>770,47</b>  | <b>0</b>        | <b>96.646</b>       | <b>722,93</b>  | <b>3,55</b>     |
| - Nhóm 1                                                       | 84.898               | 636,5          | 0               | 102.660              | 769,72         | 0               | 95.996              | 719,56         | 0               |
| Trong đó: nợ cho vay bằng vốn ủy thác mà bên thứ 3 chịu rủi ro | 18                   | 0              | 0               | 30                   | 0              | 0               | 55                  | 0              | 0               |
| - Nhóm 2                                                       | 0                    | 0              | 0               | 100                  | 0,75           | 0               | 450                 | 3,37           | 3,55            |
| - Nhóm 3                                                       | 0                    | 0              | 0               | 0                    | 0              | 0               | 0                   | 0              | 0               |
| - Nhóm 4                                                       | 0                    | 0              | 0               | 0                    | 0              | 0               | 0                   | 0              | 0               |
| - Nhóm 5                                                       | 0                    | 0              | 0               | 0                    | 0              | 0               | 200                 | 0              | 0               |
| <b>3. Tỷ lệ nợ xấu</b>                                         | <b>0%</b>            |                |                 | <b>0%</b>            |                |                 | <b>0,21%</b>        |                |                 |
| <b>4. Dự phòng rủi ro tín dụng</b>                             |                      | <b>636,5</b>   |                 |                      | <b>770,47</b>  |                 |                     | <b>726,48</b>  |                 |
| - Dự phòng chung                                               |                      | 636,5          |                 |                      | 770,47         |                 |                     | 722,93         |                 |

|                                            |   |   |   |  |   |   |  |      |   |
|--------------------------------------------|---|---|---|--|---|---|--|------|---|
| - Dự phòng cụ thể                          |   | 0 |   |  | 0 |   |  | 3,55 | - |
| 5. Nợ đã xử lý rủi ro hạch toán ngoại bảng | 0 |   | 0 |  |   | 0 |  |      |   |
| 6. Kết quả thu hồi nợ đã XLRR trong kỳ     | 0 |   | 0 |  |   | 0 |  |      |   |

**\* Về kết quả thanh tra về công tác phân loại nợ, trích lập DPRR**

- Kết quả kiểm tra chọn mẫu 131 hồ sơ tín dụng của khách hàng vay vốn còn dư nợ đến thời điểm 30/9/2023 (quý III/2023) bao gồm: nợ nhóm 1 dư nợ 95.996 triệu đồng; nợ nhóm 2 dư nợ 450 triệu đồng, nợ nhóm 5 dư nợ 200 triệu đồng QTDND Xuân Trường đã thực hiện phân loại nợ đúng quy định tại Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN và Quyết định số 18/2007/QĐ-NHNN.

**5.5.3 Sử dụng dự phòng rủi ro để xử lý rủi ro tín dụng:**

Trong thời kỳ thanh tra, QTDND Xuân Trường không phát sinh các trường hợp sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng.

Như vậy, trong thời kỳ thanh tra từ 01/01/2021 đến 30/9/2023, QTDND Xuân Trường đã thực hiện phân loại nợ, trích lập và sử dụng DPRR phù hợp với các quy định hiện hành.

### PHẦN III NHẬN XÉT VÀ KẾT LUẬN

QTDND Xuân Trường đã đạt được kết quả tương đối tốt trong các mặt hoạt động; Bộ máy quản trị, điều hành, kiểm soát nội bộ được đảm bảo theo quy định; hoạt động của Hội đồng quản trị được duy trì thường xuyên; đã có nhiều cố gắng trong công tác huy động vốn và cho vay phục vụ nhu cầu vốn của thành viên, góp phần phát triển kinh tế, xã hội địa phương; tỷ lệ cấp tín dụng có tài sản đảm bảo chiếm tỷ lệ cao trên tổng dư nợ cho vay; nợ xấu được kiểm soát tốt (0,5%); tuân thủ các tỷ lệ an toàn về hoạt động cho vay theo quy định tại Thông tư số 32/2015/TT-NHNN; Tỷ lệ dư nợ cho vay có tài sản đảm bảo/tổng dư nợ được duy trì ổn định và ở mức khá cao với tỷ lệ trên 99% dư nợ cho vay.... Bên cạnh những mặt đạt được, QTDND Xuân Trường còn một số sai phạm, tồn tại, hạn chế cần chấn chỉnh, khắc phục kịp thời trong thời gian tới để bảo đảm tuân thủ các quy định trong hoạt động. Cụ thể:

**1. Về hoạt động của Hội đồng quản trị**

- Bổ nhiệm người đảm nhiệm chức vụ Kế toán trưởng không đúng quy định tại khoản 3 Điều 33 Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12.

- HĐQT chưa có báo cáo thẩm định điều kiện danh sách thành viên xin ra để xem xét chấm dứt tư cách thành viên là chưa phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 30 Thông tư số 04/2015/TT-NHNN ngày 31/3/2015 (đã được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư 21/2019/TT-NHNN) của NHNN VN.

- HĐQT thông qua việc chuyển nhượng vốn góp giữa các thành viên mà không thông qua Đại hội thành viên theo đúng theo Điều lệ của QTDND Xuân Trường quy định: *“Việc hoàn trả, chuyển nhượng toàn bộ vốn góp của thành viên phải được Hội đồng quản trị chấp thuận, sau đó HĐQT thông qua Đại hội thành viên gần nhất”*.

- Về ban hành quy định nội bộ:

+ Chưa thực hiện sửa đổi Điều lệ khi thay đổi mức vốn điều lệ theo quy định tại khoản 4 Điều 29 Luật các Tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010; Chưa thực hiện kịp thời việc gửi các Quy chế, Quy định nội bộ sửa đổi bổ sung về NHNN theo quy định tại khoản 6 điều 4 Thông tư 32/2015/TT-NHNN (đã được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 21/2019/TT-NHNN);

+ Một số quy định nội bộ cần bổ sung chi tiết, nội dung cụ thể như: trong quy định quản lý hoạt động cho vay, quản lý tiền vay cần bổ sung quy định cụ thể về việc cho vay hợp vốn theo quy định tại khoản 4 Điều 38 Thông tư số 04/2015/TT-NHNN; Nhận dạng các loại rủi ro có thể phát sinh trong quá trình cho vay theo quy định tại khoản 2 Điều 22 TT số 39/2016/TT-NHNN (được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 06/2023/TT-NHNN).

**2. Về hoạt động bộ phận Kiểm toán nội bộ:** Kế hoạch kiểm soát nội bộ chưa xây dựng kế hoạch kiểm tra đột xuất các bộ phận nghiệp vụ; Báo cáo kết quả Kiểm toán nội bộ định kỳ chưa báo cáo đánh giá tiến độ khắc phục các hạn chế, sai sót trong kết quả kiểm tra lần trước.

### 3. Về vốn điều lệ:

- QTDND Xuân Trường hạch toán và theo dõi vốn điều lệ ở 2 khoản mục là vốn góp thường xuyên và vốn góp xác lập là chưa phù hợp theo Điều 23 Thông tư 04/2015/TT-NHNN: *“...Vốn điều lệ của quỹ tín dụng nhân dân được bổ sung từ các nguồn sau đây: a) Vốn góp xác lập từ cách thành viên, vốn góp bổ sung;”*

- QTDND Xuân Trường sử dụng thẻ thành viên chưa đúng mẫu do ngân hàng HTX hướng dẫn thống nhất trên toàn hệ thống QTDND theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 28 Thông tư số 04/2015/TT-NHNN *“b) Phát hành Thẻ thành viên theo mẫu do ngân hàng HTX hướng dẫn thống nhất trên toàn hệ thống QTDND cho thành viên mới sau khi được Đại hội thành viên thông qua danh sách kết nạp thành viên mới”*.

- Trên đơn chuyển nhượng vốn góp giữa các thành viên không có chữ ký của người nhận chuyển nhượng; Thông tin trên sổ góp vốn của các thành viên chuyển nhượng do Quỹ thu hồi lưu trữ chưa cập nhập số dư vốn góp còn lại.

- Chi trả lãi vốn góp xác lập cho thành viên trong khoảng thời gian chờ phê duyệt ghi nhận vào vốn điều lệ từ tài khoản 692.01 lợi nhuận năm trước chưa đúng theo hướng dẫn tại Công văn số 9276/NHNN-TCKT ngày 21/12/2020 (hướng dẫn hạch toán vào tài khoản 809)

- Quỹ thực hiện tạm ứng chi trả lãi cổ tức dành riêng cho các Thành viên góp vốn thường xuyên là chưa đảm bảo đầy đủ quyền lợi cho tất cả các thành viên theo

nguyên tắc tổ chức hoạt động của một hợp tác xã quy định tại khoản 3 Điều 7 Luật Hợp tác xã số 23/2012/QH13 ngày 20/11/2012.

#### **4. Về huy động tiền gửi:**

- Áp dụng lãi suất chi trả tiền gửi đối với một số trường hợp rút trước hạn từ 1 ngày đến 2 ngày không đúng quy định tại Điều 4, Điều 5 Thông tư 04/2022/TT-NHNN.

- Chưa theo dõi hạch toán nhập/xuất sổ tiết kiệm trắng tại tài khoản ngoại bảng 999 là chưa đúng theo quy định tại khoản 20 Điều 2 Thông tư số 21/2019/TT-NHNN ngày 14/11/2019 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

#### **5. Về hoạt động cho vay:**

- **Về hồ sơ vay vốn:** QTDND Xuân Trường thực hiện cho vay nhưng chưa thu thập đầy đủ hồ sơ liên quan đến phương án vay vốn là chưa đúng quy định tại Điều 9 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với đối với 10 khách hàng, tổng dư nợ có liên quan 10.561 triệu đồng.

- **Về thẩm định:** QTDND Xuân Trường thẩm định và xét duyệt cho vay còn chưa đầy đủ, chặt chẽ, một số nội dung chưa định lượng được như: chưa xác định đầy đủ thông tin, căn cứ, chưa đánh giá phân tích chặt chẽ các khía cạnh, nội dung để làm cơ sở thẩm định tính khả thi của phương án vay vốn; Việc thẩm định hiệu quả kinh doanh, đánh giá nguồn thu nhập trả nợ còn nhiều thiếu sót, chưa hợp lý, thống nhất trong tương quan thu nhập và chi phí của phương án vay vốn; Định kỳ hạn trả nợ chưa phù hợp với khả năng tài chính, chưa phù hợp với chu kỳ sản xuất, đặc thù kinh doanh của khách hàng ...là chưa đáp ứng đầy đủ quy định tại khoản 1 Điều 17 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng đối với 64 hồ sơ khách hàng, với tổng dư nợ có liên quan là 36.670 triệu đồng.

- **Về kiểm tra giám sát vốn vay:** QTDND Xuân Trường có thực hiện báo cáo kiểm tra, giám sát vốn vay nhưng nội dung kiểm tra, giám sát vốn vay chưa đầy đủ, chặt chẽ, chỉ kiểm tra chung chung tình hình sử dụng vốn vay, đánh giá sử dụng vốn đúng mục đích và tình hình tài chính ổn định... nhưng chưa thu thập đầy đủ chứng từ làm cơ sở chứng minh mục đích sử dụng vốn vay là chưa đúng quy định Điều 24 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng và thực hiện chưa đúng theo quy định nội bộ của QTDND Xuân Trường đối với 36 hồ sơ khách hàng với tổng dư nợ có liên quan 22.201 triệu đồng.

#### **- Về bảo đảm tiền vay:**

QTDND Xuân Trường chưa thực hiện chặt chẽ, đầy đủ các thủ tục liên quan đăng ký thay đổi/bổ sung nghĩa vụ được bảo đảm, thay đổi nội dung biện pháp bảo đảm... đối với 02 khách hàng dư nợ 2.100 triệu đồng là chưa tuân thủ đúng quy định tại Khoản g, Điều 18 Nghị định 99/2022/NĐ-CP ngày 30/11/2022 quy định

về đăng ký biện pháp bảo đảm và khoản 6 Điều 18 Nghị định 102/2017/NĐ-CP ngày 01/09/2017 về đăng ký biện pháp bảo đảm.

#### **PHẦN IV**

#### **CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ THEO THẨM QUYỀN ĐÃ ÁP DỤNG**

Trong quá trình thanh tra tại QTDND Xuân Trường, Đoàn thanh tra phát hiện hành vi vi phạm hành chính như sau:

- QTDND Xuân Trường Bổ nhiệm người đảm nhiệm chức vụ Kế toán trưởng không đúng quy định tại khoản 3 Điều 33 Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010. Hành vi bổ nhiệm những người không được đảm nhiệm chức vụ Kế toán trưởng (*quy định tại khoản 3 Điều 33 Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12*) của QTDND Xuân Trường được quy định xử phạt vi phạm hành chính tại tiết a, khoản 3 Điều 6 Mục 2 Chương II Nghị định số 88/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng.

- Đoàn thanh tra đã tiến hành lập biên bản xử phạt vi phạm hành chính số 11/BB-VPHC ngày 30/11/2023 và Chánh thanh tra giám sát NHNN Chi nhánh tỉnh Đồng Nai đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 12/QĐ-XPHC ngày 06/12/2023 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng với mức tiền phạt 20 triệu đồng. QTDND Xuân Trường đã thực hiện việc nộp phạt ngày 08/12/2023 (giấy nộp tiền vào kho bạc nhà nước số 7492743 ngày 08/12/2023) số tiền 20.000.000 đồng).

- QTDND Xuân Trường đã có hành vi ngăn chặn, khắc phục hành vi vi phạm bằng cách miễn nhiệm chức danh Kế toán trưởng đối với ông Trần Ngọc Lân theo Quyết định số 27/2023/QĐ-HĐQT của Hội đồng quản trị QTDND Xuân Trường ngày 29/11/2023).

#### **PHẦN V**

#### **KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ**

Căn cứ kết quả thanh tra và kết luận nêu trên, Chánh thanh tra giám sát Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Đồng Nai yêu cầu Chủ tịch HĐQT, Giám đốc QTDND Xuân Trường, Ban kiểm soát rà soát toàn bộ những tồn tại, thiếu sót để khắc phục kịp thời, đồng thời thực hiện một số nội dung, cụ thể sau:

1. Yêu cầu QTDND Xuân Trường rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các quy định nội bộ như đã nêu tại Phần II-Kết quả kiểm tra xác minh đảm bảo phù hợp với các quy định hiện hành. Thời hạn thực hiện: 03 tháng kể từ ngày ban hành KLTT.

2. Điều chỉnh tên tài khoản chi tiết hình thành vốn điều lệ trên báo cáo tài chính theo đúng quy định tại Điều 23 Thông tư 04/2015/TT-NHNN (đã được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 21/2019/TT-NHNN) - Đã nêu tại Phần II-Kết quả kiểm tra xác minh.

3. Chấn chỉnh, rút kinh nghiệm trong việc thẩm định xét duyệt điều kiện trước khi chấm dứt tư cách thành viên theo quy định tại khoản 3 Điều 30 Thông tư số 04/2015/TT-NHNN. Thông qua việc thực hiện chuyển nhượng vốn góp giữa các thành viên theo đúng thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều 30 Thông tư số 04/2015/TT-NHNN; bổ sung đầy đủ các yếu tố tại hồ sơ chuyển nhượng của thành viên đảm bảo đủ pháp lý; In ấn sử dụng mẫu thẻ thành viên theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 28 Thông tư số 04/2015/TT-NHNN. Thời hạn thực hiện: 03 tháng kể từ ngày ban hành KLTT.

4. Thực hiện chi trả lãi vốn góp xác lập cho thành viên trong khoảng thời gian chờ phê duyệt ghi nhận vào vốn điều lệ đúng tài khoản theo hướng dẫn của NHNN Việt Nam.

5. Chấn chỉnh, rút kinh nghiệm trong việc áp dụng lãi suất chi trả lãi tiền gửi đối với trường hợp rút trước hạn, đảm bảo việc chi trả thực hiện đúng quy định tại Điều 4, Điều 5 Thông tư 04/2022/TT-NHNN.

6. Thực hiện chế độ kế toán thống kê, bảo quản Sổ tiết kiệm trắng như giấy tờ có giá quy định theo quy định pháp luật.

7. Nâng cao chất lượng thẩm định và xét duyệt cho vay; rút kinh nghiệm đối với các tồn tại, sai phạm trong công tác thẩm định, xét duyệt cho vay đối với 64 khách hàng với tổng số tiền 36.670 triệu đồng. Thời hạn thực hiện 3 tháng kể từ ngày ban hành Kết luận thanh tra (đã nêu ở phần II- Kết quả kiểm tra xác minh).

8. Thực hiện thu thập, bổ sung chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn vay, đối với 36 khách hàng dư nợ 22.201 triệu đồng. Trường hợp không bổ sung được tiến hành thu hồi nợ trước hạn đối với phần dư nợ chưa chứng minh được mục đích sử dụng vốn. Thời hạn thực hiện 3 tháng kể từ ngày ban hành Kết luận thanh tra.

9. Chấn chỉnh công tác thu thập hồ sơ vay vốn, chỉ xem xét, quyết định cho vay khi có đầy đủ hồ sơ, tài liệu chứng minh phương án vay vốn, chứng từ chứng minh thu nhập. Thực hiện thu thập, bổ sung chứng từ hồ sơ vay vốn đối với 10 khách hàng, tổng dư nợ 10.561 triệu đồng như đã nêu tại phần II- Kết quả kiểm tra, xác minh. Thời hạn thực hiện 3 tháng kể từ ngày ban hành Kết luận thanh tra.

10. Thực hiện bổ sung đầy đủ, chặt chẽ các thủ tục liên quan về đăng ký thay đổi/bổ sung nghĩa vụ được bảo đảm, thay đổi nội dung biện pháp bảo đảm... theo quy định của pháp luật đối với 02 khách hàng dư nợ 2.100 triệu đồng.

11. Tổ chức kiểm điểm, rút kinh nghiệm và quy trách nhiệm các cá nhân liên quan đến sai phạm đã nêu và xử lý theo thẩm quyền.

12. Khuyến nghị việc định giá trị sản đảm bảo là quyền sử dụng đất phải căn cứ theo khung giá được UBND tỉnh công bố từng thời kỳ, khi định giá theo giá thực tế thị trường cần phải thu thập đầy đủ các tài liệu làm cơ sở định giá; QTDND Xuân Trường cần nghiên cứu bổ sung vào Quy định nội bộ các quy định cụ thể đối với trường hợp áp dụng giá thị trường (điều kiện, mức phán quyết, hệ số áp dụng trong từng trường hợp...) trong việc định giá tài sản đảm bảo để làm cơ sở thực hiện.

Chủ tịch HĐQT, Giám đốc, Trưởng Ban kiểm soát QTDND Xuân Trường tổ chức thực hiện các kiến nghị nêu trên. Báo cáo kết quả thực hiện việc chấn chỉnh sau thanh tra gửi về Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Đồng Nai trước ngày 15/02/2024 và định kỳ trước ngày 05 hàng tháng cho đến khi hoàn tất việc thực hiện các kiến nghị được nêu trên.

Kết luận thanh tra gồm 30 trang và đính kèm các mẫu biểu do Đoàn thanh tra lập, là một bộ phận không tách rời Kết luận thanh tra, được gửi tới các nơi nhận dưới đây./.

**Nơi nhận:**

- Cơ quan TTGSNH (để báo cáo);
- QTDND Xuân Trường (để thực hiện);
- Ban Giám đốc (để báo cáo);
- TTGS Chi nhánh (để theo dõi KPSTT);
- Lưu VT, TTGS Hồ sơ thanh tra.

**Đính kèm:**

- Phụ lục 4.1 Phụ lục 4.2.
- Phụ lục 1, Phụ lục 2,
- Phụ lục 3, phụ lục 4.

**KT. CHÁNH THANH TRA, GIÁM SÁT  
PHÓ CHÁNH THANH TRA, GIÁM SÁT PHỤ TRÁCH**



**Phan Thị Hà**